



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - TP. Đà Nẵng | ĐT: (0236) 3.697999 - 2.243686

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2022

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	<i>Trang 1 - 5</i>
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	<i>Trang 6 - 14</i>
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	<i>Trang 15 - 24</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	<i>Trang 25 - 33</i>
QUẢN TRỊ CÔNG TY	<i>Trang 34 - 44</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	<i>Trang 45 - 92</i>

THÔNG TIN CHUNG



1. Thông tin khái quát

TÊN GIAO DỊCH:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400101066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01/07/2010, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 01/11/2021.

Vốn điều lệ: 579.640.610.000 đồng

Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2022: 796.552.284.979 (theo Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2022).

Địa chỉ: Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Số điện thoại: 0236.3697999

Số fax: 0236.3697222

Website: www.dawaco.com.vn

Mã cổ phiếu: DNN

Quá trình hình thành và phát triển

1945 – 1950: Được hình thành vào khoảng những năm 1945-1950, hệ thống cấp nước Đà Nẵng lúc bấy giờ chủ yếu cung cấp nước cho khu vực trung tâm với các giếng khoan và hệ thống đường ống nhỏ bé.

Trước 1954 - 1971: Trước năm 1954 toàn thành phố đều sử dụng nước ngầm với 36 giếng khoan ở độ sâu 30-50m. Đến năm 1971 hai nhà máy khai thác nước sông Cẩm Lệ được xây dựng: Nhà máy nước Cầu Đỏ công suất 5.600 m³/ngày đêm và Nhà máy nước Sân Bay công suất 12.000m³/ngày đêm. Đơn vị quản lý hệ thống cấp nước Đà Nẵng lúc bấy giờ là Thủy cục Đà Nẵng.

1975: Thành phố Đà Nẵng được giải phóng, hệ thống cấp nước Đà Nẵng được giữ nguyên vẹn, chính quyền cách mạng tiếp quản và duy trì liên tục hoạt động sản xuất cấp nước, góp phần giữ gìn tình hình an ninh trật tự trong những ngày đầu thành phố mới được giải phóng. Và ngay sau đó, đơn vị quản lý hệ thống cấp nước thành phố được thành lập có tên gọi là Nhà máy nước Đà Nẵng thay thế cho Thủy cục Đà Nẵng của chế độ cũ, công suất cấp nước lúc đó khoảng 12.000 m³/ngày với 3.084 đồng hồ tiêu thụ của khách hàng.

1979: để đáp ứng yêu cầu phát triển, người dân thành phố cần có nước máy sử dụng, Ban lãnh đạo Nhà máy nước Đà Nẵng lúc đó đã tập trung vào công tác củng cố cơ sở vật chất kỹ thuật, cải tạo, mở rộng nâng công suất Trạm cấp nước Cầu Đỏ đạt mức 12.000 m³/ngày và Trạm cấp nước Sân Bay đạt mức 10.000 m³/ngày. Cùng với việc cải tạo mở rộng các trạm cấp nước, hệ thống đường ống cấp nước các loại cũng được thi công lắp đặt và đến năm 1985 tổng số đồng hồ khách hàng là 13.000 chiếc.

1985: Để đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố, UBND tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng lúc bấy giờ đã thành lập Công ty Cấp nước Quảng Nam Đà Nẵng trên cơ sở Nhà máy nước Đà Nẵng được bổ sung nhiệm vụ và nâng cấp về quy mô tổ chức sản xuất kinh doanh. Được sự quan tâm của lãnh đạo cấp trên, Công ty Cấp nước Quảng Nam – Đà Nẵng đã triển khai các dự án với các công trình mang tính trọng điểm như: Trạm cấp nước Sơn Trà I, II, III, cải tạo nâng công suất Nhà máy nước Cầu Đỏ, Sân Bay, ... Dự án cấp nước thành phố Đà Nẵng giai đoạn I

với các hạng mục công trình: Xây dựng trạm bơm phòng mặn tại An Trạch và tuyến ống nước thô D1200 với công suất 250.000 m³/ngày; xây dựng mới nhà máy công suất 120.000 m³/ngày tại Nhà máy nước Cầu Đò...

1990 - 2000: Cùng với việc triển khai dự án, từ sau năm 1990, bộ máy tổ chức của Công ty cũng được củng cố và hoàn thiện, các Trạm cấp nước đổi tên thành các Nhà máy sản xuất nước, các Xí nghiệp được thành lập. Bắt đầu từ năm 2000, các Chi nhánh Cấp nước tại các quận, huyện được ra đời nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu quản lý và giao dịch với khách hàng.

2010: Ngày 14/06/2010, UBND thành phố Đà Nẵng ra Quyết định số 4411/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Đề án chuyển Công ty Cấp nước Đà Nẵng (DNNN) thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước Đà Nẵng. Ngày 01/07/2010, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101066 lần đầu và chính thức hoạt động với hình thức Công ty TNHH MTV.

2016: UBND TP. Đà Nẵng ra Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 09/08/2016 phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng thành CTCP Cấp nước Đà Nẵng. Ngày 18/10/2016, UBND TP. Đà Nẵng tiếp tục ra Quyết định số 7084/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh Vốn Điều lệ và cơ cấu cổ phần phát hành lần đầu trong Phương án cổ phần hóa. Cơ cấu cổ phần phát hành lần đầu bao gồm: 60% Vốn Nhà nước, 5% bán cho người lao động Công ty và 35% bán cho cổ đông chiến lược.

Ngày 29/10/2016: Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng được tổ chức. Ngày 01/11/2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ nhất, Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 579.640.610.000 đồng.

Năm 2022:

Năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Dawaco dù có một số khó khăn nhất định như giá cả vật tư, hoá chất tăng cao do tình hình biến động của nền kinh tế thế giới, ảnh hưởng của thiên tai như các đợt bão số 4, 5, mưa lũ lịch sử vào các tháng 9 và 10...Tuy nhiên, Dawaco đã nỗ lực thúc đẩy tăng trưởng với định hướng “Thích ứng an toàn – linh hoạt – hiệu quả” và nỗ lực đảm bảo hầu hết và tiếp tục duy trì các thành tựu của nhiệm kỳ 2016-2021.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1 Sản phẩm dịch vụ chính:

Công ty đang hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực sau:

- + Kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành xây dựng cấp thoát nước;
- + Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- + Lắp đặt xây dựng công trình cấp nước;
- + Lập dự án đầu tư xây dựng. Tư vấn, thiết kế và lập tổng dự toán các hệ thống công trình cấp thoát nước có quy mô vừa và nhỏ. Khảo sát địa hình, địa chất, thẩm tra hồ sơ thiết kế dự toán, giám sát thi công, quản lý đầu tư xây dựng công trình cấp thoát nước từ nhóm B trở xuống;
- + Kiểm định, cân đo đồng hồ nước.

2.2 Địa bàn kinh doanh:

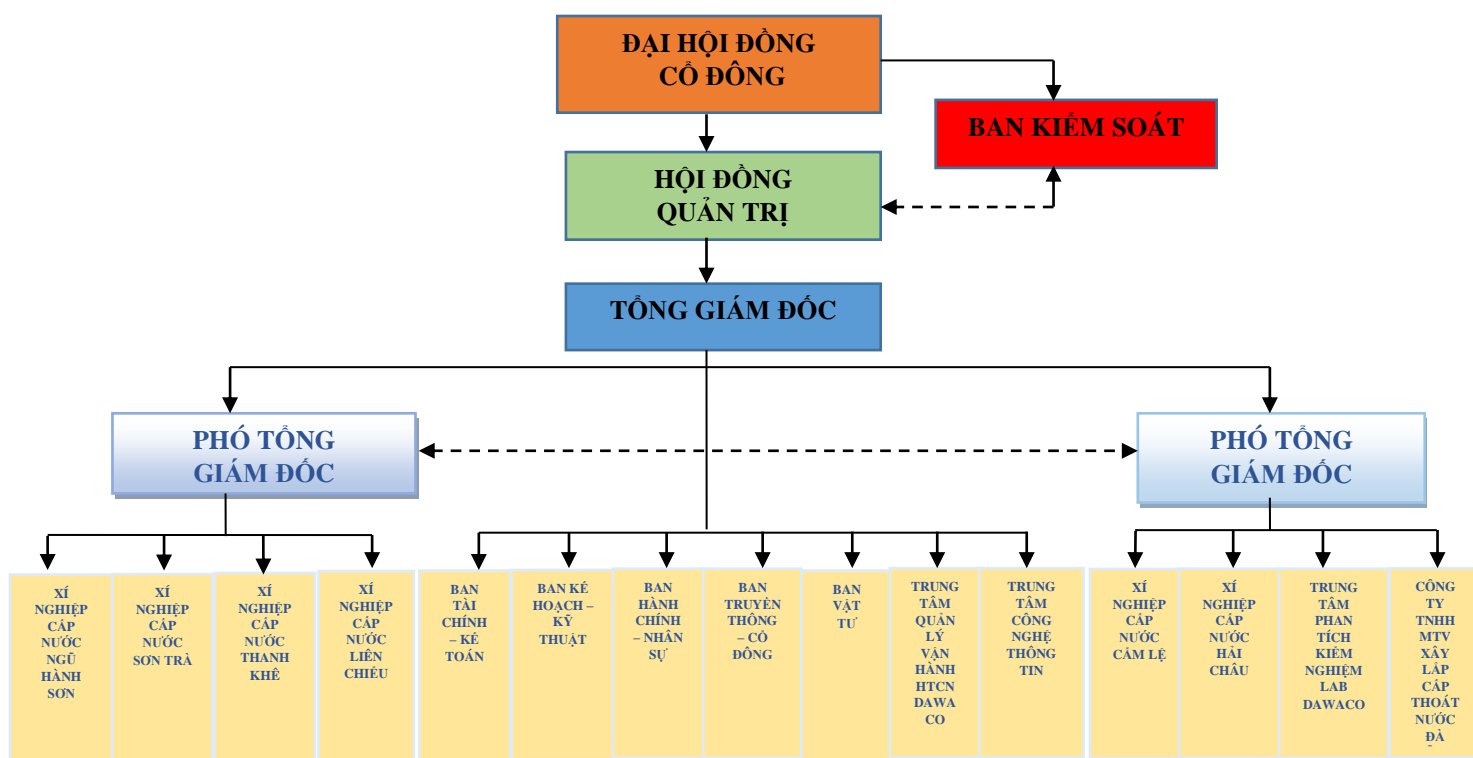
Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng có trụ sở chính đặt tại số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; có Xí nghiệp Sản xuất nước sạch, Công ty TNHH MTV Xây lắp Cấp Thoát nước Đà Nẵng, Xí nghiệp Cấp nước Cẩm Lệ, Xí nghiệp Cấp nước Hải Châu, Xí nghiệp Cấp nước Liên Chiểu, Xí nghiệp Cấp nước Ngũ Hành Sơn, Xí nghiệp Cấp nước Sơn Trà, Xí nghiệp Cấp nước Thanh Khê, tại địa bàn các quận và huyện Hòa Vang của thành phố Đà Nẵng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Theo đó, Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất, được tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Các công ty con, công ty liên kết: Công ty TNHH MTV Xây lắp Cấp thoát nước Đà Nẵng – Số 10 Trịnh Công Sơn, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Công ty con hoạt động với lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là thi công và lắp đặt các tuyến ống cấp nước trên địa bàn thành phố...

4. Định hướng phát triển

1. Đảm bảo cấp nước an toàn về chất lượng, lưu lượng và áp lực.
2. Tập trung giảm thất thoát nước xuống 14,0%.
3. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, công trình trọng điểm còn dở dang đảm bảo hoàn thành đúng kế hoạch.

4. Xây dựng kế hoạch, lộ trình chuyển đổi số để triển khai thực hiện, phấn đấu đến năm 2025 hoàn thiện công tác chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực quản lý, quản trị của doanh nghiệp.

5. Các rủi ro

1. Từ đầu năm 2022 đến nay, tình hình kinh tế đã có phục hồi, nhu cầu sử dụng nước sạch của thành phố có tăng trưởng đáng kể (Ngành du lịch dịch vụ; giáo dục; sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp đã hoạt động trở lại). Tuy nhiên, nguồn nguyên liệu hóa chất xử lý nước, vật tư thiết bị để đầu tư phát triển hệ thống cấp nước theo kế hoạch năm có dấu hiệu tăng giá nên ảnh hưởng đến chi phí đầu vào.

2. Mạng lưới đường ống tại một số khu vực còn bất cập, chưa đảm bảo tính chuyển dẫn và phân phối nên rất khó khăn trong việc điều tiết mạng lưới khi cần thiết. Một bộ phận mạng lưới đường ống cấp nước cũ, qua nhiều thời kỳ xuống cấp vẫn chưa được cải tạo thay thế đã làm cho chất lượng nước thiếu tính ổn định và gây thất thoát nước. Việc cải tạo các tuyến cũ dưới vỉa hè, đường nhựa để giảm thất thoát và nâng cao chất lượng nước còn gặp nhiều khó khăn.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Các hoạt động của Công ty đã có nề nếp được xây dựng và duy trì từ nhiều năm trước. Khi triển khai nhiệm vụ năm 2022, dưới sự giám sát chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty, các đơn vị trong Công ty tiếp tục phát huy và từng bước có sự đổi mới nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, công tác sản xuất, nâng cao năng suất lao động;

1.2 Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, sự hỗ trợ nhiệt tình của các cơ quan ban ngành trong thành phố đã tạo nhiều điều kiện cho Công ty thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2022;

1.3 Đội ngũ CBCNV Công ty về cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc, khắc phục những khó khăn, từng bước thực hiện hoàn thành kế hoạch đề ra;

1.4 Việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của một số Ban chuyên môn đã tạo được sự thuận lợi và tính chủ động trong triển khai các nhiệm vụ;

1.5 Các Công ty, Xí nghiệp trực thuộc đều có sự nỗ lực cố gắng lớn trong thực hiện nhiệm vụ được giao;

1.6 Các dự án đầu tư được đưa vào sử dụng đã phát huy được hiệu quả, góp phần đáp ứng nhu cầu và đảm bảo cung cấp nước cho thành phố.

♣ Cơ cấu doanh thu thuần:

ĐVT: Triệu đồng			
Stt	Doanh thu thuần	Năm 2021	Năm 2022
1	Doanh thu ngành nước	461.280	529.536
2	Doanh thu ngành xây lắp	3.359	4.858
	Tổng cộng	464.639	534.394

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng:

Stt	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Hồ Minh Nam	Tổng giám đốc
2	Ông Lê Đức Quý	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Trần Phước Thương	Phó Tổng giám đốc
4	Ông Phan Thịnh	Kế toán trưởng

1/ Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc:

Họ và tên: **HỒ MINH NAM**

Ngày sinh: 10/11/1975 Giới tính: Nam

Số CMND: 201204018 Cấp ngày: 19/12/2006 Nơi cấp: CA TP Đà Nẵng

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Tam Hải, Núi Thành, Quảng Nam

Nơi ở hiện tại: Hải Phòng, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

❖ **Trình độ:**

Văn hóa: 12/12

Chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật cơ sở hạ tầng

❖ **Chức vụ hiện nay tại công ty:** Đảng ủy viên, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty

❖ **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không

❖ **Quá trình công tác:**

1975 - 1993 Còn nhỏ ở với cha mẹ tại Hà Nội, vào Đà Nẵng cùng gia đình năm 1987 và học phổ thông cấp I, cấp II, cấp III tại TP Đà Nẵng

1995 - 6/2001 Làm việc tại Công ty Cấp nước Đà Nẵng nay là Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng và học Đại học Kiến trúc Hà Nội chuyên ngành Cấp thoát nước. Nhân viên Phòng Kinh doanh; Nhân viên Phòng Kỹ thuật

6/2001 - 10/2003 Nhân viên Ban QLDA cấp nước Đà Nẵng

10/2003 - 10/2004 Nhân viên Phòng Kỹ thuật thuộc Công ty Cấp nước Đà Nẵng

10/2004 - 12/2005 Phó giám đốc Xí nghiệp Xây lắp thuộc Công ty Cấp nước Đà Nẵng

12/2005 - 10/2016 Trưởng chi nhánh Cấp nước Liên Chiểu thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng

11/2016 - nay Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

2/ Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc

Họ và tên: **LÊ ĐỨC QUÝ**

Ngày sinh: 01/01/1964 Giới tính: Nam

Số CMND: 200020492 Cấp ngày: 25/4/2002 Nơi cấp: CA TP Đà Nẵng

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Hòa Quý - Ngũ Hành Sơn - Đà Nẵng

Nơi ở hiện tại: K44/17 Nguyễn Thành Hãn, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

❖ **Trình độ:**

Văn hóa: 12/12

Chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

❖ **Chức vụ hiện nay tại công ty:** Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

❖ **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không

❖ **Quá trình công tác:**

1964 - 1981 Còn nhỏ ở với gia đình, đi học và tốt nghiệp PTTH

1981 - 1985 Học và tốt nghiệp Trường Đại học Tài chính-Kế toán TP.Hồ Chí Minh

5/1987 - 6/1996 Chuyên viên phòng Kế hoạch, Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng kiêm nhiệm Kế toán trưởng BQL các công trình xây dựng, BQL vốn quy hoạch thuộc Sở Xây dựng.

7/1996 - 12/1999 Kế toán trưởng, phó phòng Kế hoạch Tài chính, viện quy hoạch đô

	thị và nông thôn Đà Nẵng
01/2000 - 04/2006	Kế toán trưởng, trưởng phòng Kế hoạch - Tài vụ, Viện quy hoạch xây dựng Đà Nẵng
5/2006 - 6/2007	Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tổng hợp, Viện quy hoạch xây dựng Đà Nẵng
7/2007 - 3/2013	Phó viện trưởng Viện quy hoạch xây dựng Đà Nẵng
4/2013 - 10/2016	Trưởng phòng Kế toán tài chính, Sở xây dựng Đà Nẵng
11/2016 - 03/2020	Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng
04/2020 - 10/2021	Quyền Chủ tịch HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng
Từ 11/2021 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

3/Phó tổng giám đốc

Họ và tên: **TRẦN PHƯỚC THƯƠNG**

Ngày sinh: 01/01/1966 Giới tính: Nam

Số CMND: 200828004 Cấp ngày: 26/07/2011 Nơi cấp: CA TP Đà Nẵng

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Hòa Nhơn - Hòa Vang - Đà Nẵng

Nơi ở hiện tại: 205 Phan Đăng Lưu, TP. Đà Nẵng

❖ Trình độ:

Văn hóa: 12/12

Chuyên môn: Kỹ sư Hóa, Cử nhân Kinh tế (Quản trị kinh doanh)

❖ **Chức vụ hiện nay tại công ty:** Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng Giám đốc Công ty, Chủ tịch Công đoàn cơ sở Công ty

❖ **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không

❖ Quá trình công tác:

1966 - 1984 Còn nhỏ, ở với gia đình, học và tốt nghiệp PTTH

1984 - 1989 Học và tốt nghiệp Đại học Bách khoa Đà Nẵng, chuyên ngành Hóa

12/1990 - 4/1994 Cán bộ Kỹ thuật, Quản đốc phân xưởng Nhà máy Thuốc lá Đà Nẵng

4/1994 - 3/1998 Quản đốc Nhà máy xi măng Hòa Khương; Trưởng phòng Marketing Nhà máy xi măng Hòa Khương; Trưởng phòng Tổng hợp Nhà máy xi măng Hòa Khương

4/1998 - 10/2001 Phó Chủ tịch Công đoàn ngành Xây dựng TP.Đà Nẵng

11/2001 - 3/2008 Phó Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Công ty Cấp nước Đà Nẵng

4/2008 - 10/2016 Đảng ủy viên, Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Công ty TNHH MTV Cấp nước ĐN

11/2016-07/2020 Đảng ủy viên, Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Ban hành

chính-Nhân sự, Công ty Cổ phần Cấp nước ĐN

Từ 07/2020 - nay Đảng ủy viên, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

5/ Kế toán trưởng:

Họ và tên: **PHAN THỊNH**

Ngày sinh: 04/01/1969 Giới tính: Nam

Số CMND: 201916830 Cấp ngày: 12/10/2002 Nơi cấp: CA TP Đà Nẵng

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Hòa Thọ, Hòa Vang, Đà Nẵng

Nơi ở hiện tại: 300 Núi Thành, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

❖ Trình độ:

Văn hóa: 12/12

Chuyên môn: Cử nhân kinh tế

❖ **Chức vụ hiện nay tại công ty:** Đảng ủy viên, Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Tài chính - Kế toán

❖ **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không

❖ Quá trình công tác:

1969 - 1987 Còn nhờ ở với gia đình, học và tốt nghiệp PTTH

1987 - 1991 Học và tốt nghiệp Đại học Kinh tế, chuyên ngành Tài chính-Kế toán

07/1993 - 3/2003 Nhân viên phòng Kế toán Công ty Cấp nước Đà Nẵng

04/2003 - 12/2003 Phó Trưởng phòng Kế toán Công ty Cấp nước Đà Nẵng

01/2004 - 08/2006 Quyền Kế toán trưởng Công ty Cấp nước Đà Nẵng

09/2006 - đến nay Đảng ủy viên, Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Tài chính - Kế toán Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

2.2 Tình hình nhân sự và các chính sách đối với người lao động:

❖ Tình hình nhân sự (tính đến ngày 31/12/2022):

Stt	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	503	100
1	Đại học và sau đại học	219	43,54
2	Cao đẳng, trung cấp	134	26,64
3	Công nhân kỹ thuật	44	8,75
B	Phân loại theo giới tính		
1	Nam	347	68,99
2	Nữ	156	31,01

❖ Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm (đồng/người/tháng)

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	497	503
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	15.830.000	16.200.000



❖ Chính sách nhân sự

- Mặc dù, công tác quản lý lao động của Công ty đã đi vào nề nếp, nhưng kỹ cương kỷ luật lao động trong Công ty có lúc còn chưa nghiêm. Chưa thống nhất mô hình hoạt động cho 06 xí nghiệp cấp nước, đặc biệt là mô hình hoạt động của nhóm chăm sóc.

- Công ty tiếp tục sắp xếp lại lao động và hoàn thiện bộ máy quản lý, cơ cấu tổ chức nhằm giảm tối đa các bất cập, chùng chéo trong xử lý công việc, tạo môi trường làm việc gắn kết, phát huy năng suất và hiệu quả làm việc của người lao động vì mục tiêu phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Công tác đầu tư các dự án nâng công suất các nhà máy nước để nâng cao năng lực sản xuất cấp nước và phát triển mở rộng mạng lưới đường ống của Công ty tuân thủ theo quy hoạch cấp nước chuyên ngành đã được UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt theo Quyết định 9018/QĐ-UBND ngày 28/12/2016.

3.1. Đã đầu tư khoảng 271,471 tỷ đồng (giá trị giải ngân) cho xây dựng nâng công suất các nhà máy nước, phát triển mở rộng mạng lưới tuyến ống truyền dẫn chính. Bao gồm:

- Thi công hoàn thành và đưa vào vận hành (trong tháng 10/2022) tuyến ống cấp nước D400 DI đường Võ Nguyên Giáp – Trường Sa (đoạn từ Hồ Xuân Hương đến Võ Quý Huân) để đảm bảo cung cấp nước cho khu vực quận Ngũ Hành Sơn.

- Thi công hoàn thành tuyến ống cấp nước D1200-1000-800DI đường Thăng Long (đoạn từ Nhà máy nước Cầu Đỏ đến cầu Tiên Sơn), đưa vào sử dụng trong tháng 3/2022 và tuyến ống cấp nước D1200-800DI Hòa Liên (đoạn từ NMN Hòa Liên đến đường số 2 KCN Hòa Khánh) đưa vào vận hành tháng 4/2022.

- Hoàn thành đấu nối tuyến ống D1200, D800 Hòa Liên với NMN Hòa Liên và đã được cơ quan chức năng liên quan thống nhất nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Triển khai thi công và cơ bản hoàn thành cụm xử lý bùn cho NMN Cầu Đỏ, xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhà máy nước Cầu Đỏ (hệ thống đường giao thông nội bộ, thoát nước mưa, điện chiếu sáng) và nâng công suất trạm bơm nước thô An Trạch lên 420.000 m³/ngày và tuyến ống nước thô D1200DI từ trạm bơm An Trạch về NMN Cầu Đỏ từ tháng 3/2022.

Đến nay, công trình nâng công suất trạm bơm An Trạch & tuyến ống nước thô D1200 về NMN Cầu Đỏ đã cơ bản thi công xong phần kết cấu xây dựng của trạm bơm & công trình thu, phần công nghệ đang lắp đặt; phần tuyến ống nước thô đã thi công lắp đặt 6.925/7.397m - Đạt 94%.

3.2. Công ty đã đầu tư 46,194 tỷ đồng để phát triển và cải tạo mạng lưới đường ống phân phối, lắp đặt và sửa chữa, thay thế đồng hồ điện từ để kiểm soát thất thoát nước; mua sắm mới, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị, máy móc và cải tạo, nâng cấp các công trình xử lý tại các nhà máy, trạm cấp nước đảm bảo hoạt động sản xuất cấp nước liên tục, an toàn. Trong đó:

- Đầu tư 44,641 tỷ đồng cho phát triển và cải tạo mạng lưới đường ống phân phối các khu vực với chiều dài đường ống lắp đặt mới 34,659 km và chiều dài đường ống cải tạo là 31,149 km.

+ Vùng Hải Châu: Đầu tư 6,528 tỷ đồng, chiều dài đường ống lắp đặt mới 0,791 km và cải tạo 8,202 km;

+ Vùng Thanh Khê: Đầu tư 5,814 tỷ đồng, chiều dài đường ống lắp đặt mới 8,322 km và cải tạo 5,949 km;

+ Vùng Liên Chiểu: Đầu tư 10,241 tỷ đồng, chiều dài đường ống lắp đặt mới 11,846 km và cải tạo 5,192 km;

+ Vùng Cẩm Lệ: Đầu tư 9,956 tỷ đồng, chiều dài đường ống lắp đặt mới 8,737 km và cải tạo 5,638 km;

+ Vùng Sơn Trà: Đầu tư 6,921 tỷ đồng, chiều dài đường ống lắp đặt mới 1,089 km và cải tạo 5,304 km;

+ Vùng Ngũ Hành Sơn: Đầu tư 5,182 tỷ đồng, chiều dài đường ống lắp đặt mới 3,876 km và cải tạo 0,865 km.

- Đã đầu tư 4,541 tỷ đồng từ nguồn vốn Công ty để cải tạo nâng tầng văn phòng công ty đảm bảo nhu cầu, điều kiện làm việc cho người lao động, nâng cao hiệu quả và chất lượng làm việc, tạo sự hài hòa kiến trúc cảnh quan và khớp nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật với khu vực khu vực xung quanh. Đến tháng 12/2022, đã cơ bản thi công hoàn thành, nghiệm thu phần khối lượng theo hợp đồng.

- Đầu tư 571,638 triệu đồng cải tạo văn phòng giao dịch các XNCN Hải Châu, Sơn Trà và Ngũ Hành Sơn

- Hoàn thành thi công cải tạo nhà làm việc XNCN Sơn Trà với giá trị đầu tư 936,812 triệu đồng.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021 (thực hiện)	Năm 2022 (thực hiện)
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	1.484.785	1.667.637
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	467.307	534.394
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	126.134	173.623
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	10.664	1.946
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	136.798	175.569
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	121.412	157.205
7	Tỷ lệ cổ tức	%	22	22

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,35	1,89
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,18	1,76



Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	47,37	52,24
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	90,00	109,36
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,97	6,84
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,33	0,35
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	25,981	29,42
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	15,50	19,92
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	8,57	9,97
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/Doanh thu thuần	%	26,99	32,49

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- + Cổ phần phổ thông: 57.964.061 cổ phần
- + Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần
- + Số lượng cổ phần đang lưu hành: 57.964.061 cổ phần
- + Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- + Mệnh giá: 10.000 VNĐ
- + Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 1.941.300 CP (3,35% Vốn điều lệ Công ty).

b) Cơ cấu cổ đông

(đến ngày 31/12/2022)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	57.964.061	579.640.610.000	100
1	Nhà nước	34.824.217	348.242.170.000	60,08
2	Cá nhân	2.853.100	28.531.000.000	4,92
3	Tổ chức	20.286.744	202.867.440.000	35,00
III	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
	Tổng cộng	57.964.061	579.640.610.000	100

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có.

e) Các chứng khoán khác

Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Đối với môi trường

- + Là một doanh nghiệp sử dụng tài nguyên nước khá lớn trên địa bàn, Công ty xác định việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước là trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp, ngoài việc phối hợp với các ngành chức năng để bảo vệ khai thác nguồn nước hiệu quả, tiết kiệm, hạn chế ô nhiễm nguồn nước. Công ty thường xuyên kiểm tra chất lượng nguồn nước thô, quan tâm công tác xả thải nhằm hạn chế thấp nhất ô nhiễm môi trường.
- + Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân, do đó ngoài hoạt động kinh doanh, Công ty còn phải đảm bảo vai trò phục vụ an sinh xã hội, Công ty sẽ nỗ lực để nhân dân trong khu vực được sử dụng nước sạch, góp phần cùng cơ quan ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho nhân dân.
- + Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hàng năm, công nghệ sản xuất nước sạch của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn môi trường theo quy định. Ngoài ra các đoàn kiểm tra giám sát về môi trường của tỉnh và cơ quan thẩm quyền thường xuyên đến Công ty kiểm tra đã đánh giá Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo vệ sinh và môi trường.

6.2 Chính sách liên quan đến người lao động

- + Công ty đã thực hiện tốt các chế độ chính sách về pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; Đảm bảo thu nhập cho người lao động năm sau cao hơn năm trước. Ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm con người cho toàn thể CBCNV với mức 236.000/người/ năm. Phối hợp tổ chức Công đoàn giải quyết trợ cấp khó khăn cho 723 lượt CBCNV hoặc người thân (đau ốm, đám tang) với tổng số tiền là 524 triệu đồng từ quỹ phúc lợi năm 2022.
- + Phối hợp với Công an PCCC thực tập phương án chữa cháy tại các cơ sở. Hướng dẫn CBCNV chấp hành quy định về bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, đồng phục cho CBCNV, đảm bảo điều kiện an toàn PCCC tại trụ sở văn phòng và các cơ sở sản xuất nước của Công ty trong năm 2022.
- + Quan tâm chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho người lao động và tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBCNV.
- + Cùng với mục tiêu phát triển doanh nghiệp, Công ty tiếp tục làm tốt công tác xã hội, chăm lo cộng đồng thông qua việc thăm hỏi, hỗ trợ, giúp đỡ các tổ chức từ thiện, phụng dưỡng mẹ VNAH và các hộ nghèo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam.

6.3 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- + Công ty vẫn duy trì hằng năm ủng hộ 1 tỷ đồng chăm lo Tết cho các hộ nghèo tại 6 quận trên địa bàn thành phố, 1 huyện Hòa Vang và xã Đại Nghĩa thuộc tỉnh Quảng Nam do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại các quận huyện kêu gọi.
- + Đóng góp các chương trình ủng hộ từ thiện cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn.
- + Tiếp tục chăm lo phụng dưỡng cho 2 Mẹ Việt Nam Anh Hùng...

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022		Tỷ lệ %
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Nước sản xuất	Triệu m ³	102,799	109,834	106,8
2	Nước ghi thu	Triệu m ³	88,407	91,519	103,5
3	Tỷ lệ thất thoát	%	14,00	15,55*	Cao hơn 1,55%
4	Doanh thu trước thuế	Tỷ đồng	493,183	534,394	108,4
	- Ngành nước	Tỷ đồng	490,483	529,582	108
	- Ngành xây lắp	Tỷ đồng	2,4	4,503	187,6
	- Ngành vật tư	Tỷ đồng	0,3	0,309	103
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	97,180	175,569	180,7
6	Các khoản nộp ngân sách	Tỷ đồng	130	155,088	119,3
7	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	16,10	16,20	100,6

(*) Không bao gồm Hòa Bắc, Hòa Phú

1.1 Những thuận lợi và khó khăn

Thuận lợi

1. Sự chung sức của đội ngũ CBCNV và sự quyết tâm, linh hoạt của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty trong triển khai thực hiện kế hoạch năm 2022 đảm bảo sản xuất kinh doanh ổn định an toàn trong điều kiện dịch bệnh COVID-19 đang được kiểm soát và tình hình phát triển kinh tế xã hội thành phố đang dần được phục hồi.

2. Tình hình kinh tế xã hội thành phố Đà Nẵng khởi sắc trên nhiều lĩnh vực; một số ngành phục hồi nhanh (sản xuất, kinh doanh dịch vụ, khách sạn, du lịch có mức tăng bứt phá trong quý III/2022) đã tác động tích cực cho tăng trưởng sản lượng nước ghi thu và nước sản xuất năm 2022 của Công ty.

3. Trong năm 2022 nguồn nước sông Cầu Đò không bị nhiễm mặn kéo dài như những năm trước (số ngày mặn chỉ 10 ngày trong năm) nên không làm ảnh hưởng đến lưu lượng nguồn cấp nước thô và giảm chi phí điện năng cho sản xuất nước do không phải vận hành trạm bơm phòng mặn An Trạch nhiều.

Khó khăn

1. Năm 2022, thành phố vẫn tiếp tục đối mặt với những khó khăn do sự bất ổn kinh tế chính trị trên thế giới, những tác động lâu dài của dịch bệnh COVID-19 và vướng mắc, khó khăn chưa được tháo gỡ trong quá trình thực hiện ... đang tác động trực tiếp việc phục hồi, phát triển kinh tế xã hội của thành phố, đã dẫn đến nhu cầu lượng nước tiêu thụ ngành kinh doanh dịch vụ, sản xuất tuy có gia tăng nhưng tốc độ tăng trưởng vẫn chưa khôi phục lại hoàn toàn mức tăng trưởng như những năm trước khi có dịch.

2. Giá cả vật tư hàng hóa trên thị trường vẫn biến động tăng, giá nước chưa được điều chỉnh đã làm ảnh hưởng đến nguồn vốn đầu tư của Công ty.

3. Nhiều dự án lớn của thành phố đang được triển khai thi công và phải thực hiện cắt nước, thi công di dời đường ống kéo dài thời gian nhất là đối với các tuyến ống truyền dẫn

chính. Ngoài ra tình trạng làm hư hỏng đường ống do thi công các công trình trọng điểm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng cũng thường xuyên xảy ra đã ảnh hưởng đáng kể đến công tác giảm thất thoát năm 2022.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	ĐVT: Triệu đồng	
			Tỷ trọng Năm 2021	Tỷ trọng Năm 2022
Tài sản ngắn hạn	581.095	535.857	39,14%	32,13%
Tài sản dài hạn	903.689	1.131.780	60,86%	67,87%
Tổng tài sản	1.484.785	1.667.637	100%	100%

Tài sản dài hạn chủ yếu đến từ khoản mục tài sản cố định. Cụ thể như sau:

TSCĐ hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	ĐVT: Triệu đồng
			Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	173.563	19.696	0,11
Máy móc thiết bị	141.466	63.461	0,45
Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.553.825	424.660	0,27
Thiết bị, dụng cụ quản lý	7.984	2.238	0,28
TSCĐ khác	727	260	0,36
Cộng	1.877.565	510.315	0,27

TSCĐ vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	ĐVT: Triệu Đồng
			Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Phần mềm kế toán	54	0	0
Phần mềm máy tính	9.643	638	0,066
Cộng	9.697	638	0,066

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	ĐVT: Triệu đồng	
			Tỷ trọng	
			Năm 2021	Năm 2022
Nợ ngắn hạn	247.013	283.345	35,12	32,53
Nợ dài hạn	456.302	587.740	64,88	67,47
Tổng nợ phải trả	703.315	871.085	100,00	100,00

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

3.1 Công tác quản lý

- ❖ Sản xuất nước và vận hành cấp nước:

- Duy trì ổn định sản xuất tại các nhà máy và trạm cấp nước. Mức tiêu thụ hóa chất (PAC và Clo bột) có tăng hơn so với năm 2021, nhưng nhìn chung tiêu thụ điện năng, hóa chất luôn dưới định mức quy định của nhà nước.

- Hệ thống SCADA hoạt động ổn định đảm bảo điều khiển vận hành tốt các nhà máy nước và trạm tăng áp. Các tuyến ống mạng truyền tải mới, nhà máy/trạm cấp nước mới khi đưa vào hoạt động đều được xây dựng kịch bản, phương án vận hành đảm bảo áp lực và lưu lượng cấp nước cho thành phố.

- Đã hoàn thành đầu tư nâng cấp và xây dựng mới một số hạng mục nhằm nâng cao chất lượng nước cho hệ thống cấp nước xã Hòa Phú và Hòa Bắc, đảm bảo cấp nước an toàn liên tục cho khách hàng.

- Tăng cường áp lực, lưu lượng các tuyến ống D300 qua cầu Cẩm Lệ và Cầu Hòa Xuân, đảm bảo cấp nước cho các khu vực Hòa Tiến, Hòa Xuân, Hòa Quý.

- Thực hiện tốt công tác quản lý kỹ thuật thiết bị, máy móc, máy bơm tại các nhà máy/trạm cấp nước, kịp thời phối hợp cùng các đơn vị kiểm tra và đề xuất sửa chữa/ thay thế các máy móc thiết bị bị sự cố, hư hỏng đảm bảo vận hành sản xuất an toàn. Giám sát chặt chẽ việc lắp đặt, sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng định kỳ thiết bị máy móc, máy bơm, phương tiện vận tải thực hiện theo đúng kế hoạch.

- Các thủ tục hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác nước, xả thải theo quy định của pháp luật... được tập trung hoàn thiện đảm bảo việc khai thác nước và xả thải của Công ty luôn tuân thủ theo đúng quy định hiện hành.

- Trong năm 2022, tổng số giờ chạy bơm An Trạch (tính cho cả 6 bơm) là 49,5 giờ với lượng nước bổ sung từ đập An Trạch là 0,26 triệu m³. Lượng điện tiêu thụ để vận hành máy bơm 0,09 triệu kWh.

- Nhanh chóng khắc phục sự cố do bão số 4 Noru và hậu quả thiệt hại do đợt mưa to kéo dài gây ngập lụt thành phố xảy ra trong năm 2022, vận hành hợp lý các trạm bơm đảm bảo các nhà máy, trạm cấp nước và mạng lưới cấp nước 06 quận nội thành vận hành an toàn, không có xì vỡ và ống bể D \geq 100 duy trì cấp nước ổn định cho thành phố.

- Hoàn thành tốt các công việc liên quan phục vụ Đoàn thanh tra Bộ Tài nguyên môi trường về công tác kiểm tra tính chấp hành pháp luật tài nguyên nước trong khai thác sử dụng tại Nhà máy nước Cầu Đỏ; Đoàn thanh tra của Bộ Tài chính về công tác quản lý tài chính trong đầu tư, sản xuất kinh doanh; Đoàn thanh tra Cục cảnh sát PCCC; Đoàn kiểm tra về đo lường của Sở Khoa học và Công nghệ Đà Nẵng; Đoàn kiểm tra Sở Tài nguyên Môi trường Đà Nẵng.

Nhìn chung, công tác sản xuất và cung cấp nước sạch của Công ty trong năm 2022 tương đối ổn định. Công ty đã xây dựng các kịch bản ứng phó nhằm phòng ngừa, giảm thiểu, loại bỏ các nguy cơ, rủi ro gây mất an toàn cấp nước, trình các cơ quan chức năng phê duyệt và triển khai thực hiện đã góp phần đảm bảo an ninh, an toàn nguồn cấp nước sạch cho thành phố.

❖ Công tác quản lý chất lượng nước:

- Đã xây dựng kịch bản ứng phó đảm bảo cấp nước an toàn trình UBND thành phố phê duyệt, trong đó có các quy trình ứng phó với các kịch bản sự cố cấp nước xảy ra.

- Trong năm 2022, tổng số ngày nhiễm mặn là 10 ngày và không có ngày nào trạm bơm phòng mặn An Trạch phải chạy bơm 24/24. Công ty đã đảm bảo nước cấp cho thành phố không bị nhiễm mặn, nước sau xử lý tại các cơ sở sản xuất nước cơ bản đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2018/BYT của Bộ Y tế.

- Trung tâm phân tích kiểm nghiệm nước (LabDawaco) đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 đã từng bước chủ động, cải thiện hiệu quả công tác quản lý và giám sát chất lượng nước trên toàn hệ thống cấp nước thành phố, góp phần đảm bảo sự ổn định về chất lượng nước sạch cấp cho khách hàng.

3.2 Công tác giảm thất thoát, thất thu

- Trong năm 2022, Công ty tăng cường kiểm soát rò rỉ, các điểm xì vỡ và đã phát hiện, sửa chữa 10.048 điểm ống bể, trong đó có 336 điểm ống bể lớn ($D \geq 100$) để xử lý khắc phục thất thoát cơ học; Thay thế 13.877 đồng hồ chạy không chính xác; Cải tạo, thay thế 31,15 km đường ống cũ, kém chất lượng.

- Tỷ lệ thất thoát nước tính dồn năm 2022 là 15,55%: thấp hơn 0,15% so với năm 2021 và cao hơn 1,55% so với kế hoạch được giao. Tỷ lệ thất thoát nước do những nguyên nhân sau:

+ Năm 2022 (hết quý I/2022) do vẫn còn ảnh hưởng bởi dịch bệnh nên việc cải tạo, thay thế tuyến ống cũ, xuống cấp tại một số khu vực chưa thể thực hiện được. Công tác dò tìm ống xì vỡ trên mạng lưới cũng gặp trở ngại do hiện nay việc nâng cao độ nền đường, bê tông hóa các kiệt hẻm làm cho thiết bị dò tìm hiện tại không đáp ứng được. Dawaco đã kiểm tra rà soát và trang bị thiết bị mới từ đầu quý III năm 2022 nên khối lượng thực hiện dò tìm chưa nhiều.

+ Các loại vật tư như ống, phụ kiện được lắp đặt có tuổi đời lớn bắt đầu có dấu hiệu lão hóa gây nứt ống, hỏng và bong tróc các mối nối... Nhiều điểm ống thép qua đường, qua cống lâu ngày bị mục nát, gây ra xì vỡ mặc dù Công ty có kế hoạch thay thế nhưng việc thi công đào vĩa hè, đường giao thông đang bị vướng quá nhiều hạ tầng kỹ thuật khác nên việc thi công bị ảnh hưởng gây chậm tiến độ so với kế hoạch.

+ Nhiều dự án lớn của thành phố hiện nay đang được triển khai thi công và phải thực hiện cắt nước thi công di dời đường ống kéo dài thời gian nhất là đối với các tuyến ống truyền dẫn chính. Ngoài ra tình trạng làm hư hỏng đường ống do thi công các công trình trọng điểm cũng thường xuyên xảy ra gây thất thoát lượng nước lớn.

+ Việc Dawaco cung cấp nước cho toàn bộ các nhà chung cư trên địa bàn thành phố thông qua bể chứa ngầm và bể chứa trên mái cũng gây thất thoát một lượng đáng kể do việc xuống cấp của hệ thống cấp nước nhà chung cư hiện nay.

+ Do mạng lưới đầu tư qua các thời kỳ và việc khớp nối mạng lưới cũng không được đồng bộ nên các khu vực cuối nguồn quận Ngũ Hành Sơn, Liên Chiểu, Sơn Trà... (Hòa Quý, Hòa Hải, Hòa Tiến, Hòa Nhơn, Hòa Phong...) thường có tình trạng thiếu áp lực nên Dawaco phải vận hành NMN Cầu Đỏ ở cột áp cao để đảm bảo cấp nước cũng như phục vụ các trạm

bơm tăng áp cấp cho khu vực này trong khi các khu vực đầu nguồn Cẩm Lệ, khu vực trung tâm quận Hải Châu, Thanh Khê áp lực bị cao nên không tránh khỏi việc thất thoát nước.

+ Các quận triển khai thi công sửa chữa, nâng cấp đường và mương thoát nước các kiệt hẻm nên việc kết hợp cải tạo đường ống cấp nước theo tiến độ các công trình này đòi hỏi Dawaco tốn rất nhiều nhân công nên thiếu nhân lực trong công tác tập trung dò tìm ống bể và giảm thất thoát.

+ Chưa thống nhất quy chế phối hợp trong công tác PCCC dẫn đến một lượng nước thất thoát không kiểm soát được khi lực lượng PCCC lấy nước diễn tập cũng như phục vụ trong công tác PCCC hàng năm.

+ Một lượng lớn mạng lưới cấp nước được thành phố cho Dawaco thuê có dấu hiệu xuống cấp nhưng chưa được bố trí vốn để nâng cấp, cải tạo thay thế.

+ Công tác thi công nâng cấp cải tạo mạng lưới cấp nước theo kế hoạch Dawaco thực hiện được tương đối nhiều nhưng vẫn còn một số khu vực vẫn chưa được cải tạo thay thế.

- Ban chỉ đạo chống thất thu đã tăng cường kiểm soát việc áp giá, thành lập Đoàn kiểm tra công tác áp giá nước và đã cơ bản hoàn thành công tác kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh việc áp giá nước tại 06 Xí nghiệp Cấp nước, điều chỉnh định mức theo đối tượng sử dụng. Giá nước bình quân tính dồn năm 2022 là 5.787 đồng/m³, cao hơn 5,92% so với năm 2021, bằng 99,8% so với kế hoạch năm.

- Đã điều chuyển khách hàng từ XN Cẩm Lệ sang XN Ngũ Hành Sơn, hoàn thành phân vùng cấp nước bổ sung cho Ngũ Hành Sơn.

- Trong năm 2022, kết quả tỷ lệ % tiền thu so với tổng tiền phải thu theo hóa đơn phát hành tính dồn cả năm đạt gần 98,93%, xấp xỉ 99% - hoàn thành kế hoạch năm; Tỷ lệ % hóa đơn thu được tiền so với tổng số hóa đơn phát hành năm 2022 đạt 98,42%, cao hơn 0,42% so với kế hoạch năm.

3.3 Quản lý, chăm sóc khách hàng và truyền thông:

- Trong năm 2022, Công ty đã phát triển 6.878 khách hàng nâng tổng số đồng hồ khách hàng tại thời điểm cuối năm 2022 đạt 315.357 đồng hồ. Trong đó, số đồng hồ không phát hành hóa đơn là 14.123 đồng hồ, chiếm tỷ lệ 4,48%.

- Trung tâm chăm sóc khách hàng (Call Center) – Tổng đài điện thoại 1900 2345 22 đã giải đáp, xử lý nhanh gọn mọi thắc mắc của khách hàng, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước.

- Đã phát triển được các ứng dụng đọc chỉ số đồng hồ kết hợp chăm sóc khách hàng. Ứng dụng Zalo... trong phát triển chuyên mục chăm sóc khách hàng và thu tiền nước, tạo tính tương tác tốt hơn với khách hàng.

3.4 Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy và quản lý lao động:

- Tiếp tục sắp xếp lại lao động và hoàn thiện bộ máy quản lý, cơ cấu tổ chức nhằm giảm tối đa các bất cập, chồng chéo trong xử lý công việc, tạo môi trường làm việc gắn kết, phát huy năng suất và hiệu quả làm việc của người lao động vì mục tiêu phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

- Tính đến 31/12/2022, tổng số lao động của Công ty kể cả lao động thời vụ là 503 người, trong đó có 156 lao động nữ; lao động có trình độ đại học và trên đại học là 219 người, chiếm 43,54%; trình độ cao đẳng, trung cấp là 134 người, chiếm 26,64%; công nhân kỹ thuật (có bằng nghề) 44 người, chiếm 8,75%.

Nhìn chung, công tác quản lý lao động của Công ty đã đi vào nề nếp, năng suất lao động ngày càng tăng. Nếu tính theo sản lượng m³ nước ghi thu thì Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng là một trong những đơn vị tiên phong trong việc sử dụng ít nhân lực nhất của ngành cấp nước.

3.5 Về công tác thực hiện chế độ chính sách, chăm lo đời sống và tham gia các hoạt động xã hội:

- Trong tình hình dịch bệnh làm ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội chung của thành phố nhưng Công ty vẫn duy trì ổn định thu nhập cho người lao động ở mức bình quân là 16,2 triệu đồng/người/tháng, cao hơn 2,3% so với năm 2021 và cao hơn 0,6% so với kế hoạch năm.

- Công ty đã thực hiện tốt các chế độ chính sách về pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; Đảm bảo thu nhập cho người lao động năm sau cao hơn năm trước. Ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm con người cho toàn thể CBCNV với mức 236.000/người/ năm. Phối hợp tổ chức Công đoàn giải quyết trợ cấp khó khăn cho 723 lượt CBCNV hoặc người thân (đau ốm, đám tang) với tổng số tiền là 524 triệu đồng từ quỹ phúc lợi năm 2022.

- Phối hợp với Công an PCCC thực tập phương án chữa cháy tại các cơ sở. Hướng dẫn CBCNV chấp hành quy định về bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, đồng phục cho CBCNV, đảm bảo điều kiện an toàn PCCC tại trụ sở văn phòng và các cơ sở sản xuất nước của Công ty trong năm 2022.

- Quan tâm chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho người lao động và tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBCNV.

- Làm tốt công tác xã hội, chăm lo cộng đồng thông qua việc thăm hỏi, hỗ trợ, phụng dưỡng mẹ VNAH, giúp đỡ hộ nghèo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam, hỗ trợ cho CBCNV trong Công ty bị bệnh hiểm nghèo và hàng năm đều ủng hộ 01 tỷ đồng cho chương trình “Xuân yêu thương” thông qua Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Đà Nẵng.

3.6 Một số nhiệm vụ công tác khác:

- Kiện toàn Ban chỉ đạo chống thất thu, thành lập Đoàn kiểm tra công tác áp giá nước và đã cơ bản hoàn thành công tác kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh việc áp giá nước tại 06 Xí nghiệp Cấp nước, điều chỉnh định mức theo đối tượng sử dụng.

- Thực hiện quy hoạch cán bộ, bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc.

- Đã phát triển được các ứng dụng đọc chỉ số đồng hồ kết hợp chăm sóc khách hàng. Ứng dụng Zalo trong phát triển chuyên mục chăm sóc khách hàng và thu tiền nước.

4. Kế hoạch phát triển

4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	So với thực hiện 2022 (%)
1	Nước sản xuất	Triệu m ³	111,738	102,0
2	Nước ghi thu	Triệu m ³	96,095	105,0
3	Doanh thu ngành nước	Tỷ đồng	556,102	105,0
4	Doanh thu ngành xây lắp	Tỷ đồng	3,5	78
5	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	135,468	77,0

4.2 Công tác sản xuất và cấp nước:

- Đảm bảo công tác sản xuất tại các nhà máy/trạm cấp nước luôn được vận hành ổn định, an toàn, hiệu quả và cung cấp đủ nguồn nước thô không bị mặn cho các nhà máy/trạm cấp nước. Kiểm soát tiêu thụ hóa chất, điện năng tại các nhà máy/trạm cấp nước luôn ở mức thấp nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất.

- Khai thác tối đa mạng lưới đường ống hiện có, vận hành hiệu quả các công trình xử lý, các tuyến ống chuyển dẫn được thi công hoàn thành đưa vào hoạt động, các trạm bơm tăng áp thông qua hệ thống SCADA nhằm đáp ứng nhu cầu dùng nước của thành phố.

- Khai thác dữ liệu hiện có trên hệ thống SCADA để phục vụ công tác quản lý.

- Phối hợp theo dõi nhu cầu sử dụng nước để điều chỉnh cài đặt chế độ vận hành phù hợp theo thời điểm đảm bảo sự hợp lý, hài hòa về áp lực và lưu lượng trên toàn hệ thống cấp nước (từ đầu nguồn đến cuối mạng lưới cấp nước), đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước và góp phần giảm thất thoát nước. Điều tiết mạng lưới cấp nước đảm bảo lưu lượng, áp lực tối ưu nhất cho từng vùng, từng khu vực và bổ sung các điểm giám sát áp lực online trên mạng lưới.

- Hoàn thiện nâng cấp các công trình xử lý nước sạch nông thôn tại Hòa Phú, Hòa Bắc để duy trì ổn định chất lượng nước cấp cho người dân. Cải tạo bể lắng, lọc nhà máy nước Hải Vân để khai thác tối đa nguồn nước suối Lương kể cả trong trường hợp nguồn nước suối có độ đục cao. Lắp đặt máy phát điện cho nhà máy nước Hòa Trung để đảm bảo an toàn vận hành cấp nước.

- Tăng cường khai thác công suất nhà máy nước Sơn Bay vào mùa hè để bổ sung cấp nước cho vùng Liên Chiểu.

- Thực hiện tốt công tác kiểm soát chất lượng nước sạch trong mạng lưới đường ống cấp nước và kịp thời xử lý các trường hợp sự cố về chất lượng nước đảm bảo nước cấp đạt tiêu chuẩn vệ sinh theo quy định hiện hành của Bộ Y tế.

4.3. Công tác giảm thất thoát, thất thu nước:

- Các Xí nghiệp Cấp nước tập trung rà soát điều chỉnh giải pháp giảm thất thoát cho phù hợp để giảm tỷ lệ thất thoát năm 2023 xuống còn 14%.

- Tiếp tục rà soát để phân vùng tách mạng để phù hợp với các tuyến ống truyền dẫn mới đã được đầu tư. Lắp đặt bổ sung các đồng hồ phân vùng tách mạng để xác định chính xác lượng nước cấp cho từng vùng, khu vực.

- Xác định khu vực thất thoát cao thông qua số liệu cấp nước qua các đồng hồ phân vùng và lập kế hoạch xử lý giảm thất thoát; Lập kế hoạch tra soát, dò tìm trên mạng lưới để xác định điểm rò rỉ; Thực hiện cải tạo, thay thế tuyến ống cũ, hư hỏng, kém chất lượng; Thực hiện đối chứng đồng hồ tổng định kỳ đảm bảo tính chính xác trong công tác ghi chỉ số đồng hồ.

- Hạn chế sai sót trong đọc chỉ số và phát hành hoá đơn; Điều tiết vận hành các nhà máy nước sát với nhu cầu dùng nước thực tế; Thực hiện kiểm định đồng hồ tiêu thụ đúng theo quy định hiện hành và thay thế ngay khi xác định đồng hồ không chính xác. Sử dụng đồng hồ cấp C hoặc điện từ cho các khách hàng dùng nước lớn ($D \geq 25$), sử dụng vật tư đảm bảo chất lượng, có tuổi thọ cao.

- Duy trì công tác kiểm tra tình hình sử dụng nước để xác định đúng đối tượng sử dụng nước, tổ chức thực hiện áp giá đúng mục đích sử dụng nước.

- Đối với các tuyến ống thuộc tài sản thuê của thành phố, cần xác định thời điểm lắp đặt, xây dựng phương án giảm thất thoát có báo cáo trình UBND thành phố bố trí vốn giảm thất thoát cho các tuyến ống thuộc diện tài sản thuê.

- Xử lý thu tiền nước thất thoát từ các trường hợp gây hư hỏng đường ống, từ các đơn vị thi công sử dụng nước cho súc xả, đấu nối.

4.4. Công tác đầu tư phát triển trọng tâm trong năm 2023:

- Tập trung đẩy mạnh tiến độ thi công các công trình trọng điểm: Nâng công suất trạm bơm nước thô An Trạch lên 420.000m³/ngày và tuyến ống nước thô D1200DI từ trạm bơm An Trạch về NMN Cầu Đỏ;

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhà máy nước Cầu Đỏ giai đoạn 2 và đưa vào hoạt động cụm xử lý bùn NMN Cầu Đỏ.

- Lắp hồ sơ thiết kế cải tạo phần kiến trúc cụm xử lý 120.000m³/ngày tại nhà máy nước Cầu Đỏ cho phù hợp với cảnh quan chung của nhà máy.

- Kiểm tra đôn đốc tiến độ xây dựng các công trình trọng điểm đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ kế hoạch, đồng thời chú trọng đến chất lượng công trình, có các biện pháp thưởng phạt nếu vi phạm tiến độ đã cam kết theo hợp đồng.

- Triển khai thi công tuyến ống truyền tải phía Đông Nam thành phố đồng thời phối hợp với đơn vị tư vấn khẩn trương hoàn thiện hồ sơ quy hoạch chi tiết một số tuyến truyền tải mới và triển khai thiết kế, thi công khi đủ điều kiện.

- Hoàn thành các thủ tục liên quan để thanh toán và quyết toán vốn đối với các dự án, công trình đã hoàn thành thi công, nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Kiểm tra, đánh giá toàn diện các trạm cấp nước tại xã Hòa Phú và Hòa Bắc để xác định công suất và lựa chọn nguồn nước để nâng cấp cải tạo trạm xử lý nước tập trung cho từng xã ứng với công suất hiện có và định hướng cho tương lai (Sau khi có phương án về xử lý tài sản cấp nước nông thôn của UBND thành phố phê duyệt).

- Lắp đặt hệ thống điều khiển SCADA cho các cụm cấp nước nhỏ (Xã Hòa Phú, Hòa Bắc) khi đủ điều kiện để giám sát công tác vận hành và chất lượng nước.

- Đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước theo kế hoạch năm 2023.

4.5 Công tác quản lý và chăm sóc khách hàng:

- Phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của hệ thống chăm sóc khách hàng Call Center kịp thời giải quyết các khiếu nại, thắc mắc của khách hàng.

- Quản lý tốt công tác ghi chỉ số đồng hồ, công tác chăm sóc khách hàng, hạn chế tối đa các sai sót khi ghi chỉ số đồng hồ hoặc thái độ phục vụ không tốt.

- Tiếp tục phát triển ứng dụng đọc chỉ số đồng hồ kết hợp chăm sóc khách hàng. Thông qua các mạng xã hội hiện có như Zalo, Viber... để phát triển chuyên mục chăm sóc khách hàng và thu tiền nước của Công ty nhằm hướng đến sự tương tác và phục vụ tốt hơn cho khách hàng.

- Thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số, đầu tư và phát triển các phần mềm quản lý, xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình chuyển đổi số đến năm 2025.

4.6. Việc làm, tiền lương, đời sống, chính sách:

- Đảm bảo lương, thu nhập cho người lao động công bằng, đúng chế độ. Duy trì ổn định việc làm, tiền lương, thu nhập cho người lao động và việc đóng đúng, đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp cho tất cả CBCNV, kịp thời đề xuất cơ quan BHXH thực hiện thanh toán đầy đủ chế độ BHXH, BHYT, chế độ nghỉ hưu và tiếp tục mua bảo hiểm con người 24/24 cho CBCNV.

- Hoàn thiện phương án điều chỉnh giá nước trình cơ quan chức năng trong quý 1/2023.

- Tiếp tục rà soát Quy chế tiền lương đảm bảo thu nhập gắn liền với yêu cầu và kết quả công việc, áp dụng vào thời điểm phù hợp.

- Quan tâm chăm sóc sức khỏe của người lao động, hàng năm duy trì khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, riêng CBCNV có bệnh cần theo dõi được khám 2 lần/năm.

- Thường xuyên phối hợp với các đơn vị đào tạo tổ chức các lớp bồi dưỡng, nâng bậc cho công nhân, an toàn lao động. Đồng thời thường xuyên giáo dục CBCNV chấp hành đúng các quy định về bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ; hàng năm trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, đồng phục cho CBCNV.

- Tăng cường kỷ luật kỷ cương lao động, thực hiện tốt các quy định, quy chế của Công ty. Tăng cường công tác quy hoạch tạo nguồn cán bộ, bố trí, luân chuyển, sắp xếp lại lao động cho phù hợp. Sớm kiện toàn công tác tổ chức, xây dựng hoàn thiện mô hình quản lý thống nhất cho 6 xí nghiệp cấp nước, đặc biệt là mô hình nhóm nhân viên chăm sóc.

- Tuyên truyền cho người lao động biết về chủ trương chính sách của Công ty, tổ chức các buổi tập huấn về các chuyên đề liên quan (chăm sóc khách hàng, giảm thất thoát,...) cho các xí nghiệp cấp nước.

- Tiếp tục duy trì truyền thống của Công ty trong việc tham gia các hoạt động xã hội, phong trào thi đua yêu nước và đóng góp cho cộng đồng.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



I. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Nhân sự:

- + **Hội đồng quản trị:** Thành viên HĐQT Đại hội đồng cổ đông lần đầu năm 2016 đã bầu ra Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng gồm 05 thành viên đảm nhiệm vị trí tại Công ty như sau: Ông Nguyễn Trường Ảnh - Chủ tịch HĐQT; Ông Đặng Thanh Bình - Phó Chủ tịch HĐQT; các Ông Hồ Hương, Lê Đức Quý, Thái Văn Thành là thành viên.
- + Đến ngày 01/02/2020, đã miễn nhiệm Ông Nguyễn Trường Ảnh - Chủ tịch HĐQT nghỉ hưu theo chế độ. Và ngày 25/2/2020, Hội đồng quản trị đã đề cử bầu tạm thời Ông Lê Đức Quý, thành viên HĐQT là Chủ tịch HĐQT của Công ty.
- + Ngày 24/04/2021, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã miễn nhiệm Ông Thái Văn Thành thôi không tham gia HĐQT và bầu bổ sung Ông Nguyễn Trường Ảnh là thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016 - 2021.
- + Ngày 29/10/2021, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 đã tiến hành miễn nhiệm thành viên HĐQT do hết nhiệm kỳ 2016-2021 và tiến hành bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 gồm có 05 thành viên đảm nhiệm vị trí tại Công ty như sau: Ông Hồ Hương- Chủ tịch HĐQT, Ông Đặng Thanh Bình- Phó Chủ tịch HĐQT; các Ông Hồ Minh Nam, Lê Đức Quý, Nguyễn Trường Ảnh là thành viên.
- + **Ban Kiểm soát:** Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021 gồm có 3 thành viên như sau: Bà Nguyễn Thị Thu Hà -Trưởng ban kiểm soát, Bà Phạm Thị Quế Chi - Kiểm soát viên chuyên trách, Bà Võ Thị Hòa - Kiểm soát viên không chuyên trách.
- + Ngày 29/10/2021, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 đã tiến hành miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát do hết nhiệm kỳ 2016-2021 và tiến hành bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 gồm có 03 thành viên đảm nhiệm vị trí tại Công ty như sau: Bà Nguyễn Thị Thu Hà-Trưởng ban kiểm soát, Bà Phạm Thị Quế Chi- Kiểm soát viên chuyên trách, Ông Thái Quốc Khánh-Kiểm soát viên không chuyên trách.
- + **Ban điều hành:** Ban điều hành gồm có 4 thành viên như sau: Ông Hồ Minh Nam-Tổng Giám đốc, Ông Lê Đức Quý-Phó Tổng Giám đốc, Ông Trần Phước Thương-Phó Tổng Giám đốc, Ông Phan Thịnh - Kế toán trưởng.

1.2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:

Công ty hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận trước thuế của kế hoạch sản xuất tài chính năm 2022, cụ thể như sau:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % so với KH
1	Nước sản xuất	Triệu m ³	102,799	109,834	106,8%
2	Nước ghi thu	Triệu m ³	88,407	91,519	103,5%
3	Tỷ lệ thất thoát	%	14,00	15,55*	Cao hơn 1,55%
4	Doanh thu ngành nước	Tỷ đồng	490,483	529,582	108%

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % so với KH
5	Doanh thu xây lắp (không tính Dawacon)	Tỷ đồng	2,4	4,503	187,6%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	97,180	175,569	180,7%
7	Các khoản nộp ngân sách	Tỷ đồng	130	155,088	119,3%
8	Thu nhập bình quân /người/tháng	Triệu đồng	16,10	16,20	100,6%

(*) Không bao gồm Hòa Bắc, Hòa Phú

+ Lợi nhuận trước thuế 2022 đạt 176 tỷ đồng vượt kế hoạch 80,7%.

1.3. Về hoạt động của HĐQT

a. Về công tác quản lý điều hành của HĐQT:

HĐQT thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp lý có liên quan, Điều lệ Công ty đã được sửa đổi bổ sung và đã được thông qua trong ĐHĐCĐ thường niên 2022 ngày 16/4/2022 và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2022, Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung và đã được thông qua tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 ngày 29/10/2021.

Ngoài ra, HĐQT tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành gồm: Luật Doanh nghiệp số 59/2021/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội; Nghị định số 155/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

HĐQT áp dụng các Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát ban hành kèm Thông tư số 116/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng, có nội dung đảm bảo quyền lợi tốt hơn cho tất cả cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng và các quy định được xây dựng trên cơ sở thực tế và quản trị tiên tiến.

HĐQT chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các công việc theo chức năng - nhiệm vụ đúng quy định và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị; Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành; Chỉ đạo sát sao và giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành nhằm mang lại thuận tiện nhất cho khách hàng và hiệu quả kinh tế nhất cho Công ty; Giám sát chặt chẽ công tác quản lý, điều hành cũng như việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

HĐQT đã thực hiện tốt hoạt động giám sát công tác điều hành của Tổng giám đốc Công ty. Nhằm đảm bảo lợi ích của Nhà nước, cổ đông và người lao động, Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc Công ty, phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty giám sát các vấn đề:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đề ra.

Thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị đã ban hành về sản xuất kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp.

Hàng tháng, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo các chỉ tiêu chính cho Hội đồng quản trị; đồng thời qua các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế tài chính...

Công tác quản lý tài chính trong năm qua luôn được HĐQT chú trọng đúng mức. Công tác kiểm toán, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động kinh doanh, trong xây dựng cơ bản thường xuyên được tăng cường, công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo quy định của pháp luật...

Công ty đã thực hiện đầy đủ công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật đối với Công ty đại chúng quy mô lớn.

b. Các kết quả cụ thể như sau:

HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của các ban đã được thành lập và hoạt động tích cực, hỗ trợ tốt cho công ty gồm: các XNCN, XN SXN, các Trung tâm và các Ban của Công ty đã có hoạt động hiệu quả, đảm nhận tốt công tác chuyên môn, hỗ trợ tích cực cho hoạt động của HĐQT đạt được nhiều mục tiêu quan trọng như:

- Trong năm 2022, HĐQT đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty:

+ Khởi công xây dựng nâng công suất Trạm bơm phòng mặn An Trạch lên 420.000 m³/ngày đêm;

+ Đẩy nhanh tiến độ hồ sơ thi công các tuyến ống truyền dẫn trọng điểm như: Tuyến ống Đông Nam; Diuke qua Võ Chí Công giải quyết tăng nguồn nước cấp cho khu vực dân cư mới phía đông nam thành phố v.v...

+ Tiếp tục thi công cải tạo lại hệ thống xử lý nước xã Hòa Phú, Hòa Bắc Huyện Hòa Vang hiện có để đảm bảo chất lượng nước sạch cho khu vực nông thôn.

+ Phối hợp cùng chủ trương của Thành phố trong việc mở rộng, nâng cấp các đường 3m75 lên 5m5 để thực hiện công tác cải tạo ống nhánh và thay mới đồng hồ.

+ Ưu tiên khu vực Hải Châu và Thanh Khê, cải tạo thay thế đường ống sắt cũ để nâng cao chất lượng nước, giảm thất thoát.

+ Thường xuyên chỉ đạo công tác giảm thất thoát, thất thu, kiểm soát áp lực, lưu lượng, chất lượng nước cấp trên toàn hệ thống, góp phần tiết kiệm chi phí (quản lý, vận hành, hóa chất, nhân công, ...).

+ Tập trung đầu tư vào các kênh thông tin trực tuyến kịp thời và phổ biến để tăng cường dịch vụ khách hàng như giải đáp thông tin qua Tổng đài CSKH 1900 234522; tương tác với khách hàng qua cổng dữ liệu liên kết tại Ứng dụng DaNang Smart City, Tài khoản chính thức Dawaco trên Zalo, Facebook, Qua tổng đài dịch vụ công 1022 của thành phố.

+ Tập trung xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhà máy nước Cầu Đỏ; Thay thế đồng hồ điện từ bằng pin cho các vị trí đảm bảo giảm thất thoát trên tuyến ống truyền tải và phân phối.

+ Đẩy nhanh tiến độ thi công các tuyến ống cấp nước D800 DI đường số 2 KCN Hoà Khánh (đoạn từ đường số 3-Nguyễn Lương Bằng); Tuyến ống cấp nước D1200, D800 DI Hoà

Liên (đoạn từ NMN Hoà Liên đến đường số 2 Khu công nghiệp Hoà Khánh).

- Các Tiểu ban giúp việc cho hoạt động quản lý của HĐQT và trực thuộc HĐQT bao gồm:

+ **Tiểu ban Đầu tư phát triển:** Tham mưu cho HĐQT kế hoạch, biện pháp chi tiết để thực hiện hiệu quả công tác đầu tư phát triển; Chỉ đạo, thẩm tra, giám sát theo dõi Ban điều hành đảm bảo việc thực hiện công tác đầu tư phát triển (từ khâu chuẩn bị đầu tư đến kết thúc đầu tư) tuân thủ đúng quy định của pháp luật, mang lại hiệu quả cao.

+ **Tiểu ban Phòng chống thất thu và thất thoát:** Tham mưu cho HĐQT kế hoạch chi tiết để thực hiện hiệu quả công tác chống thất thu và thất thoát theo định kỳ hàng tháng, quý, năm với các tỷ lệ được HĐQT giao kế hoạch từ đầu năm; Chủ động đề xuất các kế hoạch, phương án hiệu quả để phòng chống thất thu, thất thoát và theo dõi, giám sát kế hoạch sau khi được HĐQT thông qua. Trong đó, điển hình là chủ trương theo dõi điều chỉnh giá nước theo mục đích sử dụng nước đã được kiểm tra, rà soát chặt chẽ, góp phần hạn chế thất thu tại các Xí nghiệp cấp nước.

II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành

Thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2022 (ngày 16/4/2022) của Công ty Cổ phần cấp nước Đà Nẵng, HĐQT luôn theo sát và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đúng kế hoạch đã được đại hội thông qua.

Nhìn chung, trong năm 2022, Ban điều hành đã luôn bám sát nhiệm vụ kế hoạch, triển khai các giải pháp sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.

Ban điều hành đã chủ động tham mưu và đề xuất kịp thời các vấn đề quan trọng để HĐQT Công ty quyết định.

Các thành viên Ban điều hành đã có sự phối hợp tốt trong việc giải quyết các công việc của Công ty.

Trong năm 2022, Ban điều hành đã có sự phối hợp thực hiện các dự án trọng điểm của Công ty góp phần hoàn thành mục tiêu về chống thất thu như thường xuyên rà soát lại định mức và áp giá theo đúng mục đích sử dụng đảm bảo sự công bằng giữa các hộ sử dụng nước và tăng doanh thu trong năm qua; thực hiện giám sát, theo dõi công tác giải tỏa đền bù, giải phóng mặt bằng các công trình trọng điểm sát sao góp phần đẩy nhanh tiến độ thi công các tuyến ống truyền tải như Tuyến ống Thăng Long, Tuyến ống nối từ NMN Hoà Liên.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong năm qua hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn còn một số hạn chế như sau: Tỷ lệ thất thoát nước năm 2022 vẫn còn ở mức cao mặc dù Công ty không giao việc thi công cho các Xí nghiệp cấp nước để tập trung nguồn lực cho công tác giảm thất thoát nước. Chưa khai thác hiệu quả số liệu của các đồng hồ điện từ là đồng hồ tiêu thụ khách hàng để cung cấp thông tin cho khách hàng về diễn biến sử dụng nước nhằm tạo sự tương tác trong việc áp dụng, phát triển các ứng dụng chăm sóc khách hàng. Đồng hồ điện từ trên mạng lưới chưa được quản lý tốt, gây khó khăn trong việc hạch toán tăng giảm tài sản.

III. Định hướng kế hoạch năm 2023



Để thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, bảo đảm cấp nước an toàn, đảm bảo an ninh nguồn nước, các giải pháp cần tập trung chỉ đạo thực hiện là:

1. Về tăng công suất nguồn nước cấp cho thành phố:

Hoàn thiện nâng cấp các công trình xử lý nước sạch nông thôn tại Hòa Phú, Hòa Bắc để duy trì ổn định chất lượng nước cấp cho người dân.

Tăng cường khai thác công suất nhà máy nước Sơn Bay vào mùa hè để bổ sung cấp nước cho vùng Liên Chiểu.

Khai thác tối đa, vận hành hiệu quả mạng lưới đường ống hiện có cũng như các dự án xây dựng mới nhà máy và các tuyến ống chuyển dẫn được thi công hoàn thành đưa vào hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu dùng nước của thành phố.

Đảm bảo công tác sản xuất tại các nhà máy/trạm cấp nước luôn được vận hành ổn định, an toàn, hiệu quả và cung cấp đủ nguồn nước thô không bị mặn cho các nhà máy/trạm cấp nước. Kiểm soát tiêu thụ hóa chất, điện năng tại các nhà máy/trạm cấp nước luôn ở mức thấp nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất.

Khai thác tối đa mạng lưới đường ống hiện có, vận hành hiệu quả các công trình xử lý, các tuyến ống chuyển dẫn được thi công hoàn thành đưa vào hoạt động, các trạm bơm tăng áp thông qua hệ thống SCADA nhằm đáp ứng nhu cầu dùng nước của thành phố.

Khai thác dữ liệu hiện có trên hệ thống SCADA để phục vụ công tác quản lý.

Phối hợp theo dõi nhu cầu sử dụng nước để điều chỉnh cài đặt chế độ vận hành phù hợp theo thời điểm đảm bảo sự hợp lý, hài hòa về áp lực và lưu lượng trên toàn hệ thống cấp nước (từ đầu nguồn đến cuối mạng lưới cấp nước), đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước và góp phần giảm thất thoát nước. Điều tiết mạng lưới cấp nước đảm bảo lưu lượng, áp lực tối ưu nhất cho từng vùng, từng khu vực và bổ sung các điểm giám sát áp lực online trên mạng lưới.

Bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch đối với các máy bơm, thiết bị điện tử và các công trình xử lý nước tại tất cả các nhà máy sản xuất nước.

Thực hiện tốt công tác kiểm soát chất lượng nước sạch trong mạng lưới đường ống cấp nước và kịp thời xử lý các trường hợp sự cố về chất lượng nước đảm bảo nước cấp đạt tiêu chuẩn vệ sinh theo quy định hiện hành của Bộ Y tế.

2. Về công tác chống thất thu:

Duy trì công tác kiểm tra, giám sát việc áp giá nước, chỉ tiêu thu hồi công nợ, chỉ tiêu phát hành hóa đơn, chỉ tiêu đơn giá nước bình quân tại các Xí nghiệp cấp nước, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng trong toàn Công ty.

Xử lý thu tiền nước thất thoát từ các trường hợp gây hư hỏng đường ống, từ các đơn vị thi công sử dụng nước cho súc xả, đấu nối.

Bổ sung thêm 01 kỳ đọc chỉ số đồng hồ và kỳ phát hành hóa đơn đối với khách hàng tiêu thụ lớn >1000m³/tháng.

3. Về công tác chống thất thoát nước:

Tập trung rà soát điều chỉnh giải pháp giảm thất thoát cho phù hợp để giảm tỷ lệ thất thoát năm 2023 xuống còn 14%.

Tiếp tục rà soát để phân vùng tách mạng để phù hợp với các tuyến ống truyền dẫn mới đã được đầu tư. Lắp đặt bổ sung các đồng hồ phân vùng tách mạng để xác định chính xác lượng nước cấp cho từng vùng, khu vực.

Xác định khu vực thất thoát cao thông qua số liệu cấp nước qua các đồng hồ phân vùng và lập kế hoạch xử lý giảm thất thoát; Lập kế hoạch tra soát, dò tìm trên mạng lưới để xác định điểm rò rỉ; Thực hiện cải tạo, thay thế tuyến ống cũ, hư hỏng, kém chất lượng; Thực hiện đổi chứng đồng hồ tổng định kỳ đảm bảo tính chính xác trong công tác ghi chỉ số đồng hồ.

Nghiên cứu các giải pháp quản lý nước thông minh để có kế hoạch đầu tư lâu dài và đồng bộ.

4. Về điều hành quản lý sản xuất:

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ sớm hoàn thành Công trình Nâng công suất Trạm bơm phòng mặn An Trạch lên 420.000 m³/ngày vào Quý 2/2023 nhằm chủ động và đảm bảo cấp nước ổn định cho những thời điểm nguồn nước thô tại Cầu Đò bị nhiễm mặn.

Thay thế các máy bơm và các thiết bị điện trong các nhà máy nước có công suất tiêu thụ điện và hao hụt điện lớn bằng máy bơm hiệu suất tốt, ít hao tổn điện năng, giảm chi phí vận hành. Triển khai cải tạo mạng lưới đường ống cho phù hợp với nhu cầu sử dụng nước.

Tiếp tục hoàn thiện và ban hành các quy chế quản lý khoa học và hiệu quả. Nâng cao ý thức kỷ luật kỷ cương lao động, thực hiện tốt các quy định, quy chế của Công ty. Tăng cường công tác quản lý, sắp xếp lại lao động cho phù hợp, chú trọng công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, huấn luyện, rèn luyện để xây dựng đội ngũ CB-CNV có chất lượng cao, có tác phong công nghiệp.

Thực hiện tốt các quy định về khai thác và xả thải, các biện pháp bảo vệ môi trường theo Luật tài nguyên nước.

Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn; đảm bảo chất lượng nước theo quy chuẩn Việt Nam QCVN01-2018/BYT của Bộ Y tế.

5. Về triển khai thực hiện các dự án trọng điểm:

Tập trung đẩy mạnh tiến độ thi công các công trình trọng điểm: Nâng công suất trạm bơm nước thô An Trạch lên 420.000m³/ngày và tuyến ống nước thô D1200DI từ trạm bơm An Trạch về NMN Cầu Đò.

Xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhà máy nước Cầu Đò giai đoạn 2 và đưa vào hoạt động cụm xử lý bùn NMN Cầu Đò.

Lập hồ sơ thiết kế cải tạo phần kiến trúc cụm xử lý 120.000m³/ngày tại nhà máy nước Cầu Đò cho phù hợp với cảnh quan chung của nhà máy.

Lập hồ sơ thiết kế và xây dựng cảnh quan, cây xanh tại NMN Cầu Đò.

Kiểm tra đôn đốc tiến độ xây dựng các công trình trọng điểm đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ kế hoạch, đồng thời chú trọng đến chất lượng công trình, có các biện pháp thưởng phạt nếu vi phạm tiến độ đã cam kết theo hợp đồng.

Triển khai thi công tuyến ống truyền tải phía Đông Nam thành phố đồng thời phối hợp với đơn vị tư vấn khẩn trương hoàn thiện hồ sơ quy hoạch chi tiết một số tuyến truyền tải mới và triển khai thiết kế, thi công khi đủ điều kiện.

Hoàn thành các thủ tục liên quan để thanh toán và quyết toán vốn đối với các dự án, công trình đã hoàn thành thi công, nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Kiểm tra, đánh giá toàn diện các trạm cấp nước tại xã Hòa Phú và Hòa Bắc để xác định công suất và lựa chọn nguồn nước để nâng cấp cải tạo trạm xử lý nước tập trung cho từng xã ứng với công suất hiện có và định hướng cho tương lai (Sau khi có phương án về xử lý tài sản cấp nước nông thôn của UBND thành phố phê duyệt).

Lắp đặt hệ thống điều khiển SCADA cho các cụm cấp nước nhỏ (Xã Hòa Phú, Hòa Bắc) khi đủ điều kiện để giám sát công tác vận hành và chất lượng nước.

Tiếp tục hoàn thiện nâng cấp, cải tạo văn phòng làm việc 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh.

Đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước theo kế hoạch năm 2023.

6. Về công tác quản trị tài chính:

Công tác quản lý tài chính thường xuyên được Hội đồng quản trị chú trọng. Công tác kiểm toán, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động kinh doanh, trong xây dựng cơ bản được tăng cường, công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo quy định của pháp luật...

Thực hiện đầy đủ công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật.

7. Về công tác quản trị nhân sự:

Đảm bảo lương, thu nhập cho người lao động công bằng, đúng chế độ. Duy trì ổn định việc làm, tiền lương và thu nhập cho người lao động mức thu nhập bình quân 16,2 triệu đồng/người/tháng.

Hoàn thiện mô hình các Xí nghiệp Cấp nước đảm bảo tính thống nhất, tinh gọn bộ máy và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Tiếp tục rà soát Quy chế tiền lương đảm bảo thu nhập gắn liền với yêu cầu và kết quả công việc, áp dụng vào thời điểm phù hợp.

Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo nhằm nâng cao các kỹ năng mềm và trình độ giúp người lao động tiếp thu kiến thức mới từ đó nâng cao năng suất lao động. Ngoài ra còn chú trọng đãi ngộ, thu hút nhân tài đối với nhân sự có chuyên môn cao, đáp ứng vượt mức yêu cầu chuyên môn của công việc được giao.

8. Về công tác truyền thông, chăm sóc khách hàng và các hoạt động cộng đồng:

Tập trung chú trọng đến công tác truyền thông, tương tác với khách hàng nhiều hơn thông qua Ứng dụng ZaloOA, tuyên truyền, quảng bá và cập nhật kịp thời các hoạt động đầu tư, sản xuất, các nỗ lực làm việc ứng phó các sự cố trong các giai đoạn khủng hoảng nước nhiễm mặn, tuyên truyền tiết kiệm nước... để góp phần định hướng xây dựng hình ảnh một Dawaco tốt hơn, thân thiện, phục vụ, chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp trong mắt người dân, doanh nghiệp góp phần tránh những phản ánh tiêu cực không đáng có gây bất lợi cho hình ảnh Công ty.

Cập nhật thông tin dữ liệu khách hàng. Rà soát hoàn thiện quy trình quản lý và chăm sóc khách hàng cho phù hợp, thống nhất, đồng bộ đáp ứng yêu cầu quản lý.

Các XNCN phối hợp cùng Trung tâm Call Center để giải quyết nhanh, xử lý kịp thời các khiếu nại, thắc mắc của khách hàng nhằm đem lại sự hài lòng đối với khách hàng.

Tăng cường quản lý nhân viên ghi chỉ số đồng hồ, nhân viên chăm sóc khách hàng, hạn chế tối đa các trường hợp khiếu kiện do không ghi hoặc ghi không chính xác hoặc thái độ phục vụ không tốt, ứng xử văn minh với khách hàng.

Duy trì hoạt động hỗ trợ cộng đồng hỗ trợ, giúp đỡ các tổ chức từ thiện, phụng dưỡng 2 mẹ VNAH, tặng quà cho các hộ nghèo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam nhân dịp Tết Nguyên Đán.

QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. Hội đồng quản trị

1.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Hồ Hương	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Đặng Thanh Bình	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Hồ Minh Nam	Thành viên HĐQT/Tổng giám đốc
4	Ông Lê Đức Quý	Thành viên HĐQT/Phó Tổng giám đốc
5	Ông Nguyễn Trường Ảnh	Thành viên HĐQT

1.2 Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

❖ ÔNG HỒ HƯƠNG - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: **HỒ HƯƠNG**

Ngày sinh: 20/5/1969 Giới tính: Nam

Số CMND: 201022122 Cấp ngày: 29/12/2009 Nơi cấp: CA TP Đà Nẵng

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Đại Nghĩa - Đại Lộc - Quảng Nam

Nơi ở hiện tại: 157 Lê Thanh Nghị, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

❖ Trình độ:

Văn hóa: 12/12

Chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật

❖ Chức vụ hiện nay tại công ty: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT

❖ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

❖ Quá trình công tác:

1969 - 1993	Còn nhỏ ở với gia đình và đi học tốt nghiệp Đại học Bách khoa Đà Nẵng, khoa Xây dựng cầu đường;
9/1993 - 8/1996	Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật, Công ty Xây dựng Công trình 512
8/1996 - 7/1997	Phó trưởng phòng Kỹ thuật chất lượng, Công ty Xây dựng Công trình 512
7/1997 - 7/2004	Kỹ thuật viên phòng Kế hoạch -Kỹ thuật, BQL Dự án ĐTX D Công trình GTCC Đà Nẵng
7/2004-10/2005	Phó trưởng phòng Kế hoạch -Kỹ thuật, BQL Dự án ĐTXD Công trình GTCC Đà Nẵng
10/2005 - 5/2010	Phó giám đốc Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng
5/2010 - 6/2014	Trưởng ban, Ban QLDA Hạ tầng giao thông Đô thị Đà Nẵng
6/2014 - 5/2016	Trưởng ban, Ban QLDA xây dựng số 2 tp. Đà Nẵng
5/2016 - 10/2016	Bí thư Đảng ủy, Phó giám đốc Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân

dụng, Công nghiệp Đà Nẵng
11/2016 – 10/2021 Đẳng ủy viên, Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng
Từ 11/2021 - nay Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

❖ **ÔNG ĐẶNG THANH BÌNH – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Họ và tên : Đặng Thanh Bình
Ngày sinh : 01/01/1963 **Giới tính:** Nam
Dân tộc : Kinh **Quốc tịch:** Việt Nam
Quê quán : Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam
Nơi ở hiện tại : 99 Núi Thành, P. Hòa Thuận Đông, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Trình độ:

+ Văn hóa : 12/12
+ Chuyên môn : Kỹ sư

Chức vụ hiện nay tại công ty: Phó chủ tịch HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước KonTum; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vĩnh Long.

Quá trình công tác:

1983 - 1985 Nhân viên, trưởng phòng KH, HTX Nông nghiệp II, Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam.
1985 - 1988 Phó Chủ nhiệm, Chủ nhiệm HTX Nông nghiệp II, Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam.
1989 - 1991 Trưởng ban tuyên huấn xã Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam
1991 - 1994 Chủ nhiệm HTX Sản xuất kinh doanh và Dịch vụ Tổng hợp, Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam.
1994 - 1996 Chủ tịch UBND xã Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam
1996 - 1999 Phó trưởng ban, BQL các Dự án Đầu tư xây dựng huyện Đại Lộc, Q.Nam
1999 – 2000 Trưởng phòng KH-Đầu tư, BQL các KCN tỉnh Quảng Nam.
2000 – 2006 Giám đốc Công ty Phát triển và khai thác Hạ tầng KCN Đà Nẵng.
2006 - 10/2016 Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa cao cấp Đà Nẵng - Miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty Công trình giao thông Đà Nẵng.
11/2016 - nay Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cấp nước KonTum; Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp nước Vĩnh Long; Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy điện A Vương, Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

❖ **ÔNG HỒ MINH NAM – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Xem ở phần lý lịch của Ban Tổng Giám đốc

❖ **ÔNG LÊ ĐỨC QUÝ – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**

Xem ở phần lý lịch của Ban Tổng Giám đốc

❖ **ÔNG NGUYỄN TRƯỜNG ANH – Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên : Nguyễn Trường Anh

Ngày sinh : 01/01/1960 **Giới tính** : Nam

Dân tộc : Kinh **Quốc tịch** : Việt Nam

Quê quán : Duy Hòa, Duy Xuyên, Quảng Nam

Nơi ở hiện tại: 57 Cao Thắng, P. Thanh Bình, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Trình độ:

+ Văn hóa : 12/12

+ Chuyên môn : Kỹ sư Cấp thoát nước

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

1966 - 1978 Đi học và tốt nghiệp PTTH tại Đà Nẵng

1978 - 1979 Thi đỗ Đại học Bách khoa Đà Nẵng, được chọn đi học ngoại ngữ (Tiếng Nga) tại Thành phố Hồ Chí Minh, chuẩn bị đi du học ở Liên Xô

1979 - 1984 Học tại trường Đại học Kỹ thuật Xây dựng Leningrad (Liên Xô)

1985 - 6/2001 Công tác tại viện thiết kế Xây dựng Quảng Nam - Đà Nẵng, sau được đổi tên thành Công ty tư vấn Thiết kế xây dựng Đà Nẵng. Từ năm 1997: giữ chức vụ Phó giám đốc.

7/2001 - 10/2016 Công tác tại Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng

6/2007 Được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty, được bầu làm Bí thư Đảng ủy

6/2010 - 10/2016 Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

11/2016 - 12/2019 Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

01/2020 Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

02/2020-03/2020 Nghỉ hưu theo chế độ

04/2020 - nay Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

1.3. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung thông qua
1	01/NQ-ĐHĐCĐ	16/4/2022	<ol style="list-style-type: none"> Báo cáo Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của HĐQT năm 2021 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022. Báo cáo của Ban điều hành về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2022. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022. Báo cáo tài chính và Phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch tài chính và Phân phối lợi nhuận năm 2022. Thông qua Tờ trình báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán. (TT số 01/TTr-HĐQT ngày 16/4/2022). Thông qua Tờ trình trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận năm 2022. (TT số 02/TTr-HĐQT ngày 16/4/2022). Thông qua Tờ trình báo cáo quỹ lương và thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch quỹ lương và thù lao năm 2022. (TTr số 03/TTr-HĐQT ngày 16/4/2022). Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022. (TT số 03/2022/TTr-BKS ngày 16/4/2022).

1.4 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã thực hiện 04 cuộc họp Hội đồng quản trị. Tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự tham dự đầy đủ của Ban Kiểm soát.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ %
1	Ông Hồ Hương	Chủ tịch HĐQT	04/04	100
2	Ông Đặng Thanh Bình	Phó Chủ tịch HĐQT	04/04	100
3	Ông Hồ Minh Nam	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	04/04	100
4	Ông Lê Đức Quý	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	04/04	100
5	Ông Nguyễn Trường Ảnh	Thành viên HĐQT	04/04	100

1.5 Về hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc (TGD):

- Hoạt động giám sát HĐQT đối với Tổng giám đốc được thực hiện thường xuyên, kịp thời và đầy đủ. Ngoài các phiên họp định kỳ, TGD cũng thường xuyên trao đổi với HĐQT để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh.

- HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất theo hình thức giao ban mở rộng để các thành viên Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và các bộ phận chuyên môn tham gia, đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty, bám sát và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- HĐQT đã chủ động đánh giá, căn cứ tình hình thực tế của các đơn vị trong Công ty để ban hành các Nghị quyết và Quyết định theo đúng thẩm quyền và phù hợp với định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Trong năm 2022, HĐQT đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty:

+ Khởi công xây dựng nâng công suất Trạm bơm phòng mặn An Trạch lên 420.000 m³/ngày đêm;

+ Đẩy nhanh tiến độ hồ sơ thi công các tuyến ống truyền dẫn trọng điểm như: Diuke qua Võ Chí Công giải quyết tăng nguồn nước cấp cho khu vực dân cư mới phía đông nam thành phố v.v...

+ Tiếp tục thi công cải tạo lại hệ thống xử lý nước xã Hòa Phú, Hòa Bắc Huyện Hòa Vang hiện có để đảm bảo chất lượng nước sạch cho khu vực nông thôn.

+ Phối hợp cùng chủ trương của Thành phố trong việc mở rộng, nâng cấp các đường 3m75 lên 5m5 để thực hiện công tác cải tạo ống nhánh và thay mới đồng hồ.

+Ưu tiên khu vực Hải Châu và Thanh Khê, cải tạo thay thế đường ống sắt cũ để nâng cao chất lượng nước, giảm thất thoát.

+ Thường xuyên chỉ đạo công tác giảm thất thoát, thất thu, kiểm soát áp lực, lưu lượng, chất lượng nước cấp trên toàn hệ thống, góp phần tiết kiệm chi phí (quản lý, vận hành, hóa chất, nhân công, ...).

+ Tập trung đầu tư vào các kênh thông tin trực tuyến kịp thời và phổ biến để tăng cường dịch vụ khách hàng như giải đáp thông tin qua Tổng đài CSKH 1900 234522; tương tác với khách hàng qua cổng dữ liệu liên kết tại Ứng dụng DaNang Smart City, Tài khoản chính thức Dawaco trên Zalo, Facebook, Qua tổng đài dịch vụ công 1022 của thành phố.

+ Tập trung xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhà máy nước Cầu Đỏ; Thay thế đồng hồ điện từ bằng pin cho các vị trí đảm bảo giảm thất thoát trên tuyến ống truyền tải và phân phối.

+Đẩy nhanh tiến độ thi công các tuyến ống cấp nước D800 DI đường số 2 KCN Hoà Khánh (đoạn từ đường số 3-Nguyễn Lương Bằng); Tuyến ống cấp nước D1200, D800 DI Hoà Liên (đoạn từ NMN Hoà Liên đến đường số 2 Khu công nghiệp Hoà Khánh) v.v.....

1.6. Về hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT:

Các Tiểu ban giúp việc cho hoạt động quản lý của HĐQT và trực thuộc HĐQT bao gồm:

1. Tiểu ban Đầu tư phát triển: Tham mưu cho HĐQT kế hoạch, biện pháp chi tiết để thực hiện hiệu quả công tác đầu tư phát triển; Chỉ đạo, thẩm tra, giám sát theo dõi Ban điều hành đảm bảo việc thực hiện công tác đầu tư phát triển (từ khâu chuẩn bị đầu tư đến kết thúc đầu tư) tuân thủ đúng quy định của pháp luật, mang lại hiệu quả cao.

2. Tiểu ban Phòng chống thất thu và thất thoát: Tham mưu cho HĐQT kế hoạch chi tiết để thực hiện hiệu quả công tác chống thất thu và thất thoát theo định kỳ hàng tháng, quý, năm

với các tỷ lệ được HĐQT giao kế hoạch từ đầu năm; Chủ động đề xuất các kế hoạch, phương án hiệu quả để phòng chống thất thoát, thất thu và theo dõi, giám sát kế hoạch sau khi được HĐQT thông qua. Trong đó, điển hình là chủ trương theo dõi điều chỉnh giá nước theo mục đích sử dụng nước đã được kiểm tra, rà soát chặt chẽ, góp phần hạn chế thất thu tại các Xí nghiệp cấp nước.

1.7 Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022, HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định về những vấn đề cụ thể như sau:

a. Nghị quyết: Tổng cộng 06 Nghị quyết

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	21/02/2022	V/v kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022.
2	02/NQ-HĐQT	14/07/2022	V/v thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.
3	03/NQ-HĐQT	09/08/2022	V/v thông qua chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 bằng tiền cho cổ đông.
4	04/NQ-HĐQT	08/10/2022	V/v thông qua chủ trương đầu tư phát triển dự án 03 tuyến ống cấp nước chính giai đoạn 2022-2025 và thông qua Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.
5	05/NQ-HĐQT	08/10/2022	Về việc bổ nhiệm Người phụ trách kiểm toán nội bộ Công ty.
6	06/NQ-HĐQT	31/12/2022	Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

b. Các Quyết định của Hội đồng quản trị: Tổng cộng 06 quyết định

STT	Số quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT	23/03/2022	V/v Thành lập tiểu ban giúp việc Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.
2	02/QĐ-HĐQT	30/03/2022	V/v Sáp nhập XNSX nước sạch vào trung tâm QL & VH HTC.N.
3	03/QĐ-HĐQT	28/06/2022	V/v Đồng ý cho cán bộ đi du lịch nước ngoài (Ông Hồ Hương đi Australia).
4	04/QĐ-HĐQT	01/7/2022	V/v Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ Công ty CP Cấp nước Đà Nẵng
5	05/QĐ-HĐQT	06/7/2022	Thành lập đoàn công tác kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc.
6	06/QĐ-HĐQT	07/12/2022	Đồng ý cho cán bộ đi du lịch nước ngoài (Ông Hồ Minh Nam đi Australia).

2. Ban Kiểm soát

2.1 Danh sách thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Ngày không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1.	Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng Ban KS	29/10/2021		Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Kế toán
2.	Phạm Thị Quế Chi	Thành viên BKS, Kiểm soát viên chuyên trách kiêm Giám đốc Ban HCNS	29/10/2021		Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Kế toán
3.	Thái Quốc Khánh	Thành viên BKS không chuyên trách	29/10/2021		Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán; Thạc sỹ tài chính; Tiến sĩ Quản trị kinh doanh

2.2 Lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

❖ NGUYỄN THỊ THU HÀ – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên : Nguyễn Thị Thu Hà

Ngày sinh : 18/01/1973 Giới tính : Nữ

Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Quế Phú - Quế Sơn - Quảng Nam

Nơi ở hiện tại: 86/2 Đống Đa, P. Thuận Phước, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Trình độ:

- + Văn hóa : 12/12
- + Chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện nay tại công ty: Trưởng Ban kiểm soát**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không**Quá trình công tác:**

- 1973 - 1991 Còn nhỏ ở với gia đình, đi học và tốt nghiệp PTTH.
- 1991 - 1995 Học và tốt nghiệp Đại học Kinh tế.
- 10/1995 - 2/2006 Chuyên viên kinh doanh, Công ty CP Hóa dầu Petrolimex CN Đà Nẵng.
- 3/2006 - 5/2011 Phụ trách kế toán, Công ty CP Nhựa đường Petrolimex CN Đà Nẵng.
- 6/2011 - 9/2016 Trưởng phòng Kế toán tổng hợp, Công ty Hóa dầu Quân đội, CN Đà Nẵng.
- 10/2016 Giám đốc Ban tài chính tại Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung.
- 11/2016 - nay Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

❖ PHẠM THỊ QUẾ CHI – Kiểm soát viên**Họ và tên** : Phạm Thị Quế Chi

Ngày sinh : 16/12/1977 Giới tính : Nữ

Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Hòa Quý - Ngũ Hành Sơn - Đà Nẵng

Nơi ở hiện tại: 52/14b Phan Thanh, P. Thạc Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Trình độ:

- + Văn hóa : 12/12
- + Chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện nay tại công ty: Kiểm soát viên kiêm Giám đốc Ban Hành chính – Nhân sự**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không**Quá trình công tác:**

- 1977 - 1995 Còn nhỏ ở với gia đình, đi học và tốt nghiệp PTTH.
- 1996 - 9/2014 Làm việc tại Phòng Kế toán, Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng.
- 10/2014 - 10/2016 Phó Phòng Kế toán – Tài chính, Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng.
- 11/2016 - 06/2017 Kiểm soát viên kiêm Phó phòng Kế toán Tài chính Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.
- 07/2017 - 06/2020 Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.
- 07/2020-10/2021 Kiểm soát viên kiêm Quyền Giám đốc Ban Hành chính – Nhân sự Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng
- 11/2021 – nay: Kiểm soát viên kiêm Giám đốc Ban Hành chính – Nhân sự Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

❖ **THÁI QUỐC KHÁNH: Kiểm soát viên không chuyên trách**

Họ và tên : THÁI QUỐC KHÁNH
Ngày, tháng, năm sinh: 01/09/1979 Giới tính: Nam
Dân tộc : Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Quê quán : Xã Trung Nam, huyện Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị
Địa chỉ hiện nay : 25 Tân Lập 2, Thạch Thang, Hải Châu, TP Đà Nẵng

Trình độ:

- + Văn hóa : 12/12
- + Chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán;
Thạc sỹ tài chính; Tiến sĩ Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay : Phó trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính TP ĐN,
Kiểm soát viên không chuyên trách Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

Quá trình công tác:

12/2001 - 9/2007	Chuyên viên phòng Nghiệp vụ I, Chi cục Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính TP Đà Nẵng
10/2007 - 12/2008	Học Thạc sĩ Khoa học Tài chính tại trường Đại học Portsmouth, Anh Quốc
01/2009 - 12/2011	Chuyên viên phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính TP Đà Nẵng
12/2012 - 10/2016	Phó trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính TP Đà Nẵng
11/2016 - 09/2017	Phó trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính TP Đà Nẵng, Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng
10/2020 - đến nay	Phó trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính TP Đà Nẵng
10/2021 - đến nay	Kiểm soát viên không chuyên trách Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng - Nhiệm kỳ 2021 - 2026

2.3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông:

Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban. Tham gia đóng góp ý kiến với những nội dung liên quan đến công tác sản xuất kinh doanh, đẩy nhanh quyết toán các công trình xây dựng cơ bản.

Phối hợp cùng Ban điều hành trong công tác kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh; trong công tác áp giá nước theo mục đích sử dụng nước tại các Xí nghiệp cấp nước; trong công tác xây dựng đơn giá nước cho năm 2023; trong công tác xây dựng mới các Quy chế kiểm toán nội bộ, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế tổ chức cán bộ...

Giám sát hoạt động của HĐQT, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban TGD theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, của Ban kiểm soát.

Ban Kiểm soát đã kiểm tra, giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban TGD trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát đã đề xuất danh sách đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC bán niên và cả năm 2022.

Ban Kiểm soát thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 theo quy định.

2.4. Sự phối hợp giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Các thành viên Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị để nắm bắt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trên cơ sở các nội dung cuộc họp, Ban kiểm soát đã chuẩn bị các ý kiến đóng góp thuộc thẩm quyền, sát với tình hình kinh doanh nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

BKS thường xuyên trao đổi HĐQT, Ban điều hành và các Giám đốc, Phó Giám đốc ban trong Công ty để đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện các nhiệm vụ SXKD của Công ty nhằm đạt các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo quy định của Luật Chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

*** Các hoạt động khác của BKS:**

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty, xem xét các Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty trong năm 2022, xem xét việc tuân thủ và chấp hành các quy định về đảm bảo an toàn trong sản xuất kinh doanh, các rủi ro tiềm ẩn.

2.5. Đào tạo về quản trị công ty:

Về đào tạo cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty:

- Trong năm 2022, thành viên Ban kiểm soát đã tham dự lớp đào tạo: Bồi dưỡng kiến thức về HĐLĐ và thuế do Công ty CP Đào tạo học viện Thuế Việt Nam tổ chức ngày 24/5/2022 và 26/5/2022.

- Trong năm 2022, thành viên Ban điều hành, Ban kiểm soát có tham dự Hội thảo Quản trị Công ty với chủ đề “Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị” Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức và Thư ký Công ty có tham gia “Hội thảo hướng dẫn công tác công bố thông tin” do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tổ chức.

3. Các giao dịch và việc thực hiện các quy định về quản trị công ty của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

- ❖ **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** không có
- ❖ **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** không có
- ❖ **Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:**

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng Pháp luật, Điều lệ, quy chế quản trị, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất.



.... BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES[®])

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH

KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	12 - 44



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng và Công ty con là Công ty TNHH MTV Xây lắp Cấp thoát nước Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng theo Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 09/08/2016 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101066 ngày 01/07/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã được điều chỉnh 9 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01/11/2021), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông tại sàn Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 509/QĐ-SGDHN ngày 07/07/2017 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DNN. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 17/07/2017.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 579.640.610.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2022: 579.640.610.000 đồng.

Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Cấp Thoát Nước Đà Nẵng	10 Trịnh Công Sơn, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	100,00%	100,00%

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 57 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại : (84) 236.3697333
- Fax : (84) 236.3697222
- Email : Dawaco@vnn.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập dự án đầu tư xây dựng. Tư vấn, thiết kế và lập tổng dự toán các hệ thống công trình cấp thoát nước có quy mô vừa và nhỏ. Khảo sát địa hình, địa chất, thăm tra hồ sơ thiết kế dự toán, giám sát thi công, quản lý đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước từ nhóm B trở xuống;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông, cầu đường, thủy lợi, cấp thoát nước, công trình điện đến 35 KV;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: kiểm định, cân đo đồng hồ nước;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt xây dựng công trình cấp nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị chuyên ngành xây dựng cấp thoát nước.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hồ Hương	Chủ tịch	29/10/2021	
Ông Đặng Thanh Bình	Phó chủ tịch	29/10/2021	
Ông Hồ Minh Nam	Thành viên	29/10/2021	
Ông Lê Đức Quý	Thành viên	29/10/2021	
Ông Nguyễn Trường Ảnh	Thành viên	29/10/2021	

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng ban	29/10/2021	
Bà Phạm Thị Quế Chi	Thành viên	29/10/2021	
Ông Thái Quốc Khánh	Thành viên	29/10/2021	

4.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hồ Minh Nam	Tổng Giám đốc	29/10/2021	
Ông Lê Đức Quý	Phó Tổng Giám đốc	29/10/2021	
Ông Trần Phước Thương	Phó Tổng Giám đốc	14/12/2021	
Ông Phan Thịnh	Kế toán trưởng	29/10/2021	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hồ Minh Nam	Tổng Giám đốc	29/10/2021	

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 8 đến trang 44.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tập đoàn. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, tình hình hoạt động hợp nhất của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đại diện Hội đồng quản trị



HỒ HƯƠNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2023



Số: 08/2023/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng và Công ty TNHH MTV Xây Lắp Cấp Thoát Nước Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 27 tháng 02 năm 2023, từ trang 08 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại điểm (i), Thuyết minh số V.8b – Chi phí trả trước dài hạn, Tập đoàn phân bổ khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá phát sinh năm 2006 từ khoản vay ODA của Pháp với kỳ hạn 10 năm (kể từ năm 2013) theo hướng dẫn tại Công văn số 2292/UBND-KTTT ngày 31/03/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Theo đó, lũy kế số đã phân bổ vào chi phí tài chính từ các năm 2013 đến năm 2022 là 39.447.748.835 đồng. Việc hạch toán chênh lệch tỷ giá như trên là chưa phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Nếu ghi nhận theo đúng quy định của Chuẩn mực thì các khoản lỗ phát sinh từ chênh lệch tỷ giá cần được hạch toán vào chi phí của các niên độ kế toán liên quan và khoản mục chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2022 sẽ giảm xuống tương ứng là 3.944.774.879 đồng và lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2022 sẽ tăng lên 3.550.297.391 đồng, đồng thời có thể ảnh hưởng (nếu có) đến một số chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- **VIETVALUES**



Trần Xuân Thanh – P. Giám đốc Chi nhánh
Giấy CNDKHN số: 1650-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Huyền Minh Hưng - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 3402-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 37 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		535.856.888.615	581.095.443.977
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	51.533.756.275	29.030.108.717
111	1. Tiền		41.533.756.275	18.986.478.580
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	10.043.630.137
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		339.908.781.560	370.910.239.433
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	339.908.781.560	370.910.239.433
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		27.433.591.059	46.091.008.849
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	14.309.636.924	22.061.668.337
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	3.043.291.010	5.161.838.114
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	18.012.820.463	26.783.713.669
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(7.932.157.338)	(7.916.211.271)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	36.906.822.729	42.781.332.653
141	1. Hàng tồn kho		36.906.822.729	42.781.332.653
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		80.073.936.992	92.282.754.325
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	208.502.648	637.838.139
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.14	42.286.673.690	31.720.907.392
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	37.578.760.654	59.924.008.794
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.131.780.041.904	903.689.210.157
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		100.000.000	100.000.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
216	2. Phải thu dài hạn khác		100.000.000	100.000.000
220	II. Tài sản cố định		510.953.204.076	550.101.843.089
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	510.315.420.732	549.112.361.836
222	- Nguyên giá		1.877.565.501.478	1.842.116.098.164
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.367.250.080.746)	(1.293.003.736.328)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	637.783.344	989.481.253
228	- Nguyên giá		9.696.575.951	9.696.575.951
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.058.792.607)	(8.707.094.698)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		612.315.961.983	335.926.497.628
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	612.315.961.983	335.926.497.628
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		8.410.875.845	17.560.869.440
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	8.410.875.845	17.560.869.440
269	2. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.667.636.930.519	1.484.784.654.134

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 57 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

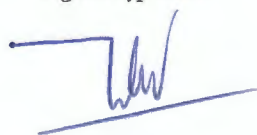
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		871.084.645.540	703.314.778.158
310	I. Nợ ngắn hạn		283.344.720.572	247.012.634.584
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	60.815.281.702	48.950.840.736
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	822.454.332	1.023.684.485
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	8.262.814.904	4.291.464.568
314	4. Phải trả người lao động	V.15	29.433.422.217	21.094.290.916
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	2.807.996.641	1.055.060.419
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17a	129.299.412.249	135.572.299.506
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18a	46.010.359.000	31.201.247.040
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	5.892.979.527	3.823.746.914
330	II. Nợ dài hạn		587.739.924.968	456.302.143.574
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.17b	119.827.034.749	134.375.826.597
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18b	465.387.705.568	319.382.672.696
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		157.985.229	161.444.859
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		2.367.199.422	2.382.199.422
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		796.552.284.979	781.469.875.976
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.20	795.494.801.176	780.172.961.873
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		579.640.610.000	579.640.610.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		579.640.610.000	579.640.610.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.993.538.265	8.993.538.265
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		101.823.484.308	65.152.916.904
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		105.037.168.603	126.385.896.704
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	57.141.967.509
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		105.037.168.603	69.243.929.195
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		1.057.483.803	1.296.914.103
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		1.057.483.803	1.296.914.103
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.667.636.930.519	1.484.784.654.134

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu



PHẠM HỒNG MINH

Kế toán trưởng



PHAN THỊNH



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 57 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

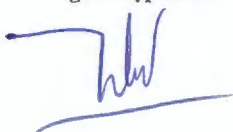
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	534.394.103.914	467.306.780.695
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		534.394.103.914	467.306.780.695
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	281.081.412.462	267.325.635.795
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		253.312.691.452	199.981.144.900
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	23.227.147.258	21.024.431.489
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	19.315.408.450	15.688.241.270
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		15.146.923.696	11.664.724.978
24	8. Phần lỗ hoặc lãi trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	36.237.785.530	36.715.829.914
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	47.363.966.929	42.467.887.695
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		173.622.677.801	126.133.617.510
31	12. Thu nhập khác	VI.7	2.557.075.007	11.565.924.652
32	13. Chi phí khác	VI.8	610.883.639	901.945.379
40	14. Lợi nhuận khác		1.946.191.368	10.663.979.273
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		175.568.869.169	136.797.596.783
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	18.367.505.296	15.396.283.104
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	V.14	(3.459.630)	(10.270.416)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		157.204.823.503	121.411.584.095
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		157.204.823.503	121.411.584.095
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	2.520	1.847
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	2.520	1.847

Người lập biểu



PHẠM HỒNG MINH

Kế toán trưởng

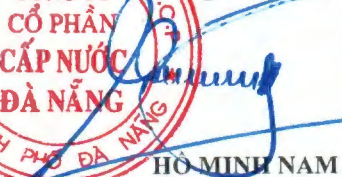


PHAN THỊNH



Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Tổng Giám Đốc



HỒ MINH NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 57 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		175.568.869.169	136.797.596.783
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.9, V.11	75.712.559.296	69.862.096.570
03	- Các khoản dự phòng		15.946.067	788.540.506
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		210.018.677	(275.644.449)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3	(23.213.456.060)	(20.670.045.632)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	15.146.923.696	11.664.724.978
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		243.440.860.845	198.167.268.756
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		30.436.899.632	(4.642.368.974)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		5.874.509.924	49.027.969.424
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		6.665.909.180	139.002.017.158
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		9.579.329.086	9.004.999.948
14	- Tiền lãi vay đã trả		(14.853.650.696)	(11.596.611.978)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	-	(25.171.177.517)
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(12.292.817.387)	(11.741.831.471)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		268.851.040.584	342.050.265.346
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(348.934.618.528)	(439.926.927.531)
23	2.. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(423.720.108.591)	(423.741.850.369)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		469.777.768.858	524.160.677.071
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.303.373.383	21.835.947.895
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(279.573.584.878)	(317.672.152.934)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	1. Tiền thu từ đi vay	VII.1	205.661.753.518	126.463.920.510
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(44.924.329.668)	(22.399.186.888)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.20	(127.520.934.200)	(114.189.200.170)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		33.216.489.650	(10.124.466.548)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		22.493.945.356	14.253.645.864
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		29.030.108.717	14.780.871.526
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		9.702.202	(4.408.673)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	51.533.756.275	29.030.108.717

Người lập biểu



PHẠM HỒNG MINH

Kế toán trưởng



PHAN THỊNH



Đã được kiểm toán, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng Quản trị / Giám đốc



HỒ MINH NAM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng và 01 Công ty con là Công ty TNHH MTV Xây lắp Cấp thoát nước Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

I. DẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng theo Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 09/08/2016 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101066 ngày 01/07/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã được điều chỉnh 9 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01/11/2021), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông tại sàn Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 509/QĐ-SGDHN ngày 07/07/2017 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DNN. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 17/07/2017.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn kinh doanh trong nhiều lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Tập đoàn là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập dự án đầu tư xây dựng. Tư vấn, thiết kế và lập tổng dự toán các hệ thống công trình cấp thoát nước có quy mô vừa và nhỏ. Khảo sát địa hình, địa chất, thăm tra hồ sơ thiết kế dự toán, giám sát thi công, quản lý đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước từ nhóm B trở xuống;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: kiểm định, cân đo đồng hồ nước;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt xây dựng công trình cấp nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị chuyên ngành xây dựng cấp thoát nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Tập đoàn thường kéo dài không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện nào khác về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn trong năm.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.
Số lượng Công ty con được hợp nhất: 01 Công ty.

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của CD không kiểm soát
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Cấp Thoát Nước Đà Nẵng	10 Trịnh Công Sơn, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	100,00%	100,00%	0,00%

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 512 nhân viên đang làm việc. (Tại ngày 01/01/2022 là 504 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Hợp nhất với Công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 bao gồm Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng và 01 Công ty con là Công ty TNHH MTV Xây lắp Cấp thoát nước Đà Nẵng. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất đề lập dự phòng.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá phát sinh năm 2006 từ khoản vay ODA của Pháp để thực hiện các dự án cải tạo hệ thống cấp nước Thành phố Đà Nẵng giai đoạn IIIa và dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy nước sân bay Đà Nẵng giai đoạn IIIb với tổng số tiền 39.447.748.835 đồng. Theo Công văn số 2292/UBND-KTTH ngày 31/03/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng, Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí trong 10 năm (kể từ năm 2013).

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tập đoàn khấu hao theo Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2014 của Bộ Tài chính, số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 12

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 - 10 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tập đoàn.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như

lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của kỳ sau.

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tu giá hối đoái

20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trọng đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản cố định. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.

Tỷ giá mua chuyển khoản của các ngân hàng mà Công ty giao dịch tại 31/12/2022 như sau:

	Mua chuyển khoản VND/USD
TMCP Ngoại Thương VN - CN Đà Nẵng- USD	23.410

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	17.874.136	10.573.352
Tiền gửi ngân hàng	41.515.882.139	18.975.905.228
Tương đương tiền	10.000.000.000	10.043.630.137
Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn	5.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	10.043.630.137
Cộng	51.533.756.275	29.030.108.717

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm	339.908.781.560	339.908.781.560	370.910.239.433	370.910.239.433
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	66.708.781.560	66.708.781.560	62.992.239.433	62.992.239.433
- Ngân hàng TMCP Việt Á	54.000.000.000	54.000.000.000	59.000.000.000	59.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á	40.000.000.000	40.000.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn	30.000.000.000	30.000.000.000	59.000.000.000	59.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân	30.000.000.000	30.000.000.000	54.918.000.000	54.918.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5.200.000.000	5.200.000.000	-	-
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực Thịnh Vương	74.000.000.000	74.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Xây dựng	-	-	61.000.000.000	61.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam	-	-	51.000.000.000	51.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	14.309.636.924	22.061.668.337
- Công ty TNHH BT Ngã Ba Huế Trung Nam	4.090.711.000	4.237.291.000
- Công ty TNHH Xây Dựng & Thương Mại Nhất Huy	507.620.200	2.601.410.845
- Các khách hàng khác	9.711.305.724	15.222.966.492
Cộng	14.309.636.924	22.061.668.337

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	3.043.291.010	5.161.838.114
- Công ty TNHH Phước Thịnh Phát (*)	746.677.171	-
- Công ty Cổ phần HAWACO Miền Nam (**)	516.130.488	-
- Công ty CP Xây dựng số 5	-	1.368.132.396
- Công ty TNHH Mai Phương Minh	-	1.269.400.000
- Các đối tượng khác	1.780.483.351	2.524.305.718
Cộng	3.043.291.010	5.161.838.114

(*) Tạm ứng 10% HĐ 02/2022/HĐTC-BQL ngày 25/01/2022 về việc thi công hạng mục giao thông – thoát nước – điện chiếu sáng giai đoạn 1 thuộc dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhà máy nước Cầu Đỏ.

(**) Tạm ứng 10% HĐ 88/2022/DWC-HWCMN ngày 08/09/2022 về việc mua sắm vật tư đồng hồ đặt mới, đồng hồ thay thế phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2022.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	18.012.820.463	-	9.272.281.178	-
- Lãi dự thu	9.162.437.467	-	9.072.520.144	-
- Tạm ứng	1.455.875.466	-	199.761.034	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.211.928.000	-	16.572.842.506	-
- Phải thu khác	2.182.579.530	-	938.589.985	-
Cộng	18.012.820.463	-	26.783.713.669	-

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn là các khoản đặt cọc hoàn trả mặt bằng thi công công trình theo giấy phép do Sở GTVT Thành phố Đà Nẵng cấp phép cho thi công.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2022	01/01/2022
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	7.170.702.198	6.795.648.711
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	290.786.564	577.052.363
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	339.252.459	334.229.630
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	131.416.117	209.280.567
Số cuối năm	7.932.157.338	7.916.211.271

Biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2022	Năm 2021
Số đầu năm	7.916.211.271	7.127.670.765
Tăng trong năm	15.946.067	788.540.506
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	7.932.157.338	7.916.211.271

7. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	32.219.969.156	-	38.011.096.250	-
Công cụ, dụng cụ	366.199.405	-	371.292.596	-
Chi phí SXKD dở dang	4.320.654.168	-	4.398.943.807	-
Cộng	36.906.822.729	-	42.781.332.653	-

- Nguyên vật liệu là các loại vật liệu thuộc ngành nước như ống nước, đồng hồ, mặt bích, van nước, vòi nước, roăng cao su các loại, hóa chất xử lý nước...; các vật liệu dùng cho hoạt động xây lắp như sắt, thép, cát; nhiên liệu dùng cho xe máy như xăng, dầu, nhớt và một số vật liệu khác.
- Công cụ dụng cụ là các loại bảo hộ lao động, dụng cụ vệ sinh
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị chi phí các công trình xây dựng dở dang tại 31/12/2022 chưa được nghiệm thu thanh toán.
- Thành phẩm là nước uống đóng chai.
- Tập đoàn không có hàng tồn kho kém mất phẩm chất, ứ đọng tại ngày 31/12/2022
- Tập đoàn không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
 Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	62.665.000	508.047.277
Chi phí bảo hiểm	142.150.148	118.472.000
Chi phí kiểm định hiệu chuẩn phương tiện đo	-	7.446.987
Phí bảo trì phần mềm	3.687.500	3.871.875
Cộng	208.502.648	637.838.139

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm 2022	Năm 2021
Số dư đầu năm	637.838.139	146.034.397
Tăng trong năm	776.815.277	734.804.457
Phân bổ trong năm	(1.206.150.768)	(243.000.715)
Số dư cuối năm	208.502.648	637.838.139

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.880.445.509	9.552.230.670
Chi phí lắp đặt ống nhánh	4.493.462.594	4.000.939.596
Chênh lệch tỷ giá của khoản vay vốn ODA (i)	-	3.944.774.879
Phần mềm kế toán	-	7.956.553
Phí hỗ trợ xây dựng HT Quản lý Phòng TN phù hợp ISO/IEC 17025: 2017	36.967.742	54.967.742
Cộng	8.410.875.845	17.560.869.440

(i) Đây là chênh lệch tỷ giá phát sinh năm 2006 từ khoản vay ODA của Pháp để thực hiện các dự án cải tạo hệ thống cấp nước Thành phố Đà Nẵng giai đoạn IIIa và dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy nước sân bay Đà Nẵng giai đoạn IIIb với tổng số tiền 39.447.748.835 đồng. Theo Công văn số 2292/UBND-KTTH ngày 31/03/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng, Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí trong 10 năm (kể từ năm 2013). Theo đó, lũy kế số đã phân bổ vào chi phí tài chính từ các năm 2013 đến 31/12/2022 là 39.447.748.835 đồng.

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2022	Năm 2021
Số dư đầu năm	17.560.869.440	27.057.673.130
Tăng trong năm	12.174.254.594	12.376.265.364
Phân bổ trong năm	(21.324.248.189)	(21.873.069.054)
Số dư cuối năm	8.410.875.845	17.560.869.440

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC ĐÀ NẴNG
Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	171.142.262.234	136.651.994.643	1.525.954.973.239	7.639.861.377	727.006.671	1.842.116.098.164
Tăng trong năm	2.611.234.774	5.227.688.297	28.771.507.122	344.086.027	-	36.954.516.220
Giảm trong năm	(190.503.804)	(413.606.406)	(901.002.696)	-	-	(1.505.112.906)
Số cuối năm	173.562.993.204	141.466.076.534	1.553.825.477.665	7.983.947.404	727.006.671	1.877.565.501.478
Khấu hao						
Số đầu năm	144.925.366.767	65.414.822.028	1.077.015.320.651	5.272.297.496	375.929.386	1.293.003.736.328
KH trong năm	9.067.143.441	12.961.742.067	52.767.912.300	473.393.396	90.670.183	75.360.861.387
Giảm trong năm	(125.643.237)	(371.418.906)	(617.454.826)	-	-	(1.114.516.969)
Số cuối năm	153.866.866.971	78.005.145.189	1.129.165.778.125	5.745.690.892	466.599.569	1.367.250.080.746
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	26.216.895.467	71.237.172.615	448.939.652.588	2.367.563.881	351.077.285	549.112.361.836
Số cuối năm	19.696.126.233	63.460.931.345	424.659.699.540	2.238.256.512	260.407.102	510.315.420.732

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 919.847.518.219 đồng.

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết chờ thanh lý tại ngày 31/12/2022 là 0 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2022 là 27.983.623.756 đồng (xem tại thuyết minh số V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	54.000.000	9.642.575.951	9.696.575.951
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	54.000.000	9.642.575.951	9.696.575.951
Khấu hao			
Số đầu năm	54.000.000	8.653.094.698	8.707.094.698
KH trong năm	-	351.697.909	351.697.909
Số cuối năm	54.000.000	9.004.792.607	9.058.792.607
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	989.481.253	989.481.253
Số cuối năm	-	637.783.344	637.783.344

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 8.427.075.951 đồng.
Không có tài sản cố định vô hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2022.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022	01/01/2022
- Tuyến ống Hòa Liên (Đoạn từ NMN Hòa Liên đến Đường số 2 KCN Hòa Khánh) (*)	88.752.640.183	65.544.438.475
- Nâng công suất trạm bơm phòng mặn An Trạch từ 210.000 m ³ /ngày lên 420.000 m ³ /ngày (*)	201.819.544.825	4.533.455.077
- Dự án Nâng CS Nhà máy nước Cầu Đò thêm 120.000 m ³ /ngày, phân kỳ 1 (*)	38.500.626.125	27.567.358.207
- Dự án Nâng CS Nhà máy nước Cầu Đò thêm 120.000 m ³ /ngày, phân kỳ 2 (*)	9.104.957.393	2.290.918.010
- Dự án Nhà máy nước Hồ Hòa Trung 10.000 m ³ /ngày (*)	31.342.901.404	41.448.219.255
- Lắp đặt tuyến ống D500 & D400 DI đường Võ Nguyên Giáp - Trường Sa (đoạn từ đường Hồ Xuân Hương - Võ Quý Huân) (*)	27.649.892.939	24.009.285.582
- Tuyến ống CN đường Thăng Long (đoạn từ NMN Cầu Đò đến cầu Tuyên Sơn) D1200, D100 (*)	106.007.937.145	82.035.394.511
- Các công trình khác (*)	109.137.461.969	88.292.456.368
Cộng	612.315.961.983	335.926.497.628

(*) Giá trị chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang đang dùng cầm cố thế chấp các khoản vay ngân hàng tại 31/12/2022 là 527.759.285.658 đồng (xem tại thuyết minh số V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	60.815.281.702	48.950.840.736
Công ty CP Kỹ thuật Á Châu	17.196.588.928	15.100.579.087
Công ty TNHH Cơ điện HAWACO	6.787.017.300	5.044.205.652
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng TNG	4.632.898.385	3.154.603.571
Công ty Cổ Phần Xây Dựng số 5	14.471.354.461	-
Các đối tượng người bán khác	17.727.422.628	25.651.452.426
Cộng	60.815.281.702	48.950.840.736

Trong đó, nợ quá hạn thanh toán tại thời điểm 31/12/2022 là 0 đồng.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước là các khách hàng khác</i>	822.454.332	1.023.684.485
Công ty CP Đầu tư XD&PT Hạ tầng Nam Việt Á	258.860.783	258.860.783
BQLDA Đầu tư XD các Công trình Giao thông Đà Nẵng	183.836.674	183.836.674
Trung Tâm Phát Triển Quỹ đất Thành Phố Đà Nẵng	-	210.986.000
Các khách hàng khác	379.756.875	370.001.028
Cộng	822.454.332	1.023.684.485

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2022		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	31.720.907.392	361.036.696	(4.455.461.991)	6.181.435.091	42.286.673.690	289.905.912
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	58.802.211.869	-	21.449.404.465	-	37.352.807.404	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	136.316.882	2.277.241.152	2.627.914.072	225.953.250	11.597.212
Thuế tài nguyên	-	249.872.490	3.415.488.300	3.393.162.450	-	272.198.340
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.121.796.925	-	8.462.068.546	5.512.597.418	-	1.827.674.203
Các loại thuế khác	-	-	15.000.000	15.000.000	-	-
Phí và lệ phí	-	3.544.238.500	71.071.109.425	68.753.908.688	-	5.861.439.237
Cộng	91.644.916.186	4.291.464.568	102.234.849.897	86.484.017.719	79.865.434.344	8.262.814.904

Số thuế phải nộp của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tập đoàn hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch thuộc lĩnh vực xã hội hóa vì thỏa mãn các yêu cầu về danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường theo quy định tại điểm 10, Mục VI, Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Mục V, Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường ban hành kèm theo quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp theo quy hoạch tại quyết định số 9018/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND Thành phố Đà Nẵng. Theo quy định tại khoản 3, điều 11 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính quy định “3. Thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với: a) Phần thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường, giám định tư pháp (sau đây gọi chung là lĩnh vực xã hội hoá). Theo đó Tập đoàn áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch sinh hoạt.

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế khác với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	175.568.869.169	136.797.596.783
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định	16.879.627.719	9.843.878.423
- Các khoản điều chỉnh tăng	16.879.627.719	9.843.878.423
+ <i>Chênh lệch chi phí nước thô nộp về nhà nước (*)</i>	15.409.676.881	8.078.474.846
+ <i>Chi phí thù lao HDQT, BKS không chuyên trách</i>	84.000.000	-
+ <i>Chi phí xử lý công trình tồn đọng</i>	110.101.011	-
+ <i>Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào công ty con</i>	-	51.352.079
+ <i>Chi phí không hợp lệ khác</i>	1.275.849.827	1.714.051.498
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	192.448.496.888	146.641.475.206
- <i>Thu nhập từ ngành nước</i>	171.319.885.197	123.048.465.526
- <i>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác</i>	6.186.232.958	15.514.534.834
- <i>Thu nhập từ chênh lệch nước thô nộp về NN</i>	15.409.676.881	8.078.474.846
Lỗi các năm trước được chuyển	17.298.148	51.352.079
Thu nhập tính thuế	192.431.198.740	146.590.123.127
- <i>Thu nhập từ ngành nước</i>	171.302.587.049	123.048.465.526
- <i>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác</i>	6.186.232.958	15.463.182.755
- <i>Thu nhập từ chênh lệch nước thô nộp về NN</i>	15.409.676.881	8.078.474.846
Thuế TNDN hiện hành	18.367.505.296	15.396.283.104
- <i>Thu nhập từ ngành nước (10%)</i>	17.130.258.704	12.303.646.553
- <i>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác (20%)</i>	1.237.246.592	3.092.636.551
Thuế TNDN tương ứng với chênh lệch nước thô nộp hộ nhà nước (*)	3.081.935.376	1.615.694.969
Thuế TNDN thu người lao động do hoàn chi phí trả	-	1.200.000
Thuế TNDN hoãn lại tương ứng hoàn nhập dự phòng đầu tư vào công ty con	(3.459.630)	(10.270.416)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18.367.505.296	15.396.283.104

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
 Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Ngoài số thuế TNDN phát sinh từ hoạt động kinh doanh năm 2022, Công ty còn có nghĩa vụ thuế TNDN tương ứng với chênh lệch chi phí nước thô được trích theo phê duyệt đơn giá nước tại Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 27/01/2014 nộp thay cho nhà nước là 3.081.935.376 đồng. Khoản thuế TNDN này không phải là chi phí thuế TNDN hiện hành của Công ty.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Tiền lương phải trả	29.433.422.217	21.094.290.916
Cộng	<u>29.433.422.217</u>	<u>21.094.290.916</u>

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Cước tin nhắn	37.391.020	92.675.198
Chi phí sử dụng hóa đơn điện tử	299.271.910	370.854.230
Cước truyền số liệu	2.400.000	53.850.000
Phí thu hộ tiền nước	262.661.491	237.628.037
Lãi dự trả	444.911.000	151.638.000
Chi phí kiểm định đồng hồ	137.455.621	98.000.000
Chi phí tiền điện	1.367.336.935	-
Chi phí phải trả khác	256.568.664	50.414.954
Cộng	<u>2.807.996.641</u>	<u>1.055.060.419</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Phải trả ngắn hạn khác

a. Ngắn hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Phải trả các bên liên quan	125.424.392.195	121.055.410.516
Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng	125.424.392.195	121.055.410.516
- Tài sản nhận bàn giao từ ngân sách	90.535.834.864	90.535.834.864
- Phải nộp NSNN chênh lệch chi phí nước thô	18.790.557.331	14.421.575.652
- Phải trả ngân sách về vốn	16.098.000.000	16.098.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.875.020.054	14.516.888.990
Ban quản lý Dự án Cấp nước Thành phố Đà Nẵng	-	11.646.145.803
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng	1.221.614.989	1.221.614.989
Các đối tượng khác	2.653.405.065	1.649.128.198
Cộng	<u>129.299.412.249</u>	<u>135.572.299.506</u>

b. Dài hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Phải trả các bên liên quan	112.686.446.164	128.784.446.164
Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng	112.686.446.164	128.784.446.164
- Phải trả ngân sách về vốn	112.686.446.164	128.784.446.164
Phải trả các đối tượng khác	7.140.588.585	5.591.380.433
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	7.140.588.585	5.591.380.433
Cộng	<u>119.827.034.749</u>	<u>134.375.826.597</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính

18a. Ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả	46.010.359.000	46.010.359.000	31.201.247.040	31.201.247.040
- Quỹ đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng	21.840.400.000	21.840.400.000	19.412.800.000	19.412.800.000
- Ngân hàng Phát triển Châu Á	-	-	996.949.040	996.949.040
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.512.004.000	4.512.004.000	4.512.004.000	4.512.004.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	9.583.260.000	9.583.260.000	5.056.336.000	5.056.336.000
- NH TNHH MTV ShinHan Việt Nam - CN Đà Nẵng	10.074.695.000	10.074.695.000	1.223.158.000	1.223.158.000
Cộng	46.010.359.000	46.010.359.000	31.201.247.040	31.201.247.040

18b. Dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	511.398.064.568	511.398.064.568	350.583.919.736	350.583.919.736
- Quỹ đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng	175.518.467.666	175.518.467.666	174.733.688.065	174.733.688.065
- Ngân hàng Phát triển Châu Á	-	-	15.950.989.559	15.950.989.559
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	20.999.485.352	20.999.485.352	24.913.727.618	24.913.727.618
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	92.229.648.997	92.229.648.997	83.638.717.356	83.638.717.356
- NH TNHH MTV ShinHan Việt Nam - CN Đà Nẵng	222.650.462.553	222.650.462.553	51.346.797.138	51.346.797.138
Cộng	511.398.064.568	511.398.064.568	350.583.919.736	350.583.919.736
Trong đó				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	46.010.359.000			31.201.247.040
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	465.387.705.568			319.382.672.696

a. Vay Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 09/2018/HĐTĐ ngày 24/10/2018, thực hiện dự án “Nâng công suất Nhà máy nước Cầu Đỏ thêm 120.000m³/ngày; Phân kỳ I: Nâng công suất thêm 60.000m³/ngày”. Hạn mức vay 120.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 năm. Lãi suất vay 7%/năm, được điều chỉnh mức lãi suất theo Quyết định về lãi suất của bên cho vay bàn hành từng thời điểm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay: Công trình xây dựng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- và máy móc thiết bị đã đầu tư và tài sản hình thành trong tương lai của dự án. (Xem thuyết minh số V.9, V.10)
- Hợp đồng tín dụng số 01/2019/HĐTD ngày 14/01/2019, thực hiện dự án “Nhà máy nước hồ Hòa Trung công suất 10.000m³/ngày. Hạng mức vay 50.000.000.000 đồng, thời hạn vay 10 năm. Lãi suất vay 7%/năm, được điều chỉnh mức lãi suất theo Quyết định về lãi suất của bên cho vay ban hành từng thời điểm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay: Hệ thống các tuyến ống cấp nước trên địa bàn thành phố đã đầu tư và tài sản hình thành trong tương lai của dự án. (xem thuyết minh số V.9, V.11)
 - Hợp đồng tín dụng số 14/2020/HĐTD ngày 19/08/2020, thực hiện dự án “Nâng công suất Nhà máy nước Cầu Đỏ từ 230.000 m³/ngày lên 290.000 m³/ngày”. Hạng mức vay 71.000.000.000 đồng, thời hạn vay 144 tháng. Lãi suất vay 7%/năm, được điều chỉnh mức lãi suất theo Quyết định về lãi suất của bên cho vay ban hành từng thời điểm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành trong tương lai của dự án. (xem thuyết minh số V.9, V.11)
- b. Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 01/2019/257027/HĐTD ngày 09/09/2019 để thực hiện cải tạo tuyến ống si phong phòng mặn qua sông Cầu Đỏ. Hạng mức vay 3.220.277.123 đồng, thời hạn vay 5 năm. Lãi suất vay 8,5%/năm trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất sau điều chỉnh bằng lãi suất thả nổi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau + biên độ 3,3%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.11)
 - Hợp đồng tín dụng số 02/2019/257027/HĐTD ngày 20/09/2019 để thực hiện lắp đặt tuyến ống Si phong D900 HDPE qua Sông Hàn. Hạng mức vay 4.036.699.918 đồng, thời hạn vay 5 năm. Lãi suất vay 8,5%/năm trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất sau điều chỉnh bằng lãi suất thả nổi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau + biên độ 3,3%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.9).
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2020/257027/HĐTD ngày 21/08/2020 để thực hiện đầu tư công trình tuyến ống cấp nước D600DI đường Hồ Xuân Hương. Hạng mức vay 2.565.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất vay 9%/năm trong 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất sau điều chỉnh bằng lãi suất thả nổi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau + biên độ 3,3%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.11)
 - Hợp đồng tín dụng số 02/2020/257027/HĐTD ngày 16/09/2020 để thực hiện Đầu tư xây dựng công trình Tuyến ống cấp nước D500; D400 DI đường Võ Nguyên Giáp - Hoàng Sa (đoạn từ đường Hồ Xuân Hương đến Nguyễn Phan Vinh). Hạng mức vay 24.623.000.000 đồng, thời hạn vay 10 năm. Lãi suất vay 9%/năm có định trong 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất sau điều chỉnh bằng lãi suất thả nổi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn cá nhân 24 tháng trả lãi sau + biên độ 3,3%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.11)
- c. Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 63/2020/VCB-KHDN ngày 03/08/2020 để đầu tư thực hiện dự án “Tuyến ống cấp nước D400 DI đường Võ Nguyên Giáp – Trường Sa (đoạn từ Hồ Xuân Hương đến Võ Quý

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Huân). Hạn mức vay 38.112.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng. Lãi suất vay: Đối với 2 năm đầu kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên: Lãi suất vay = Lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau áp dụng cho khách hàng cá nhân của ngân hàng + 1,8%/năm; Lãi suất đối với thời gian vay còn lại: Lãi suất vay = Lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau áp dụng cho khách hàng cá nhân của ngân hàng + 2,8%/năm, thời hạn điều chỉnh lãi suất vay 6 tháng 01 lần vào ngày 26/6 và 26/12 hàng năm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.11).

- Hợp đồng tín dụng số 93/2020/VCB-KHDN ngày 22/10/2020 để đầu tư thực hiện dự án "Đầu tư công trình Tuyến ống cấp nước D1200 DI, D1000 DI, D800 DI đường Thăng Long (đoạn từ nhà máy nước Cầu Đỏ đến cầu Tuyên Sơn). Hạn mức vay 150.000.000.000 đồng, thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn đầu tiên. Lãi suất vay: Đối với 2 năm đầu kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên: Lãi suất vay = Lãi suất cơ sở + 1,2%/năm; đối với 2 năm tiếp theo: Lãi suất vay = Lãi suất cơ sở + 1,8%/năm; đối với thời gian vay còn lại: Lãi suất vay = Lãi suất cơ sở + 2%/năm, (trong đó lãi suất cơ sở = Lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau áp dụng cho khách hàng cá nhân của ngân hàng), thời hạn điều chỉnh lãi suất vay 6 tháng 01 lần vào ngày 26/6 và 26/12 hàng năm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.11).

d. Vay ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam – CN Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số SHBVN/ĐN/CR/HĐTD-001 ngày 11/12/2020 để thực hiện dự án "Tuyến ống cấp nước D1200 DI, D800 DI Hòa Liên (đoạn từ nhà máy nước Hòa Liên đến đường số 2 Khu công nghiệp Hòa khánh). Hạn mức vay 136.218.000.000 đồng, thời hạn vay 12 năm. Lãi suất vay 4 năm đầu tiên áp dụng lãi suất tham chiếu + biên độ 0,8%/năm, 08 năm tiếp theo áp dụng lãi suất tham chiếu + biên độ 0,9%/năm, việc thực hiện điều chỉnh lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần trong suốt thời gian vay, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất tham chiếu là lãi suất bình quân tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho khách hàng cá nhân của bốn (04) ngân hàng bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được công bố. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.11)
- Hợp đồng tín dụng số SHBVN/ĐN/CR/HĐTD-002 ngày 13/12/2021 để thực hiện dự án "Nâng công suất trạm bơm phòng mặn An Trạch từ 210.000m³/ngày đêm lên 420.000m³/ngày đêm". Hạn mức vay 220.206.000.000 đồng, thời hạn vay 12 năm. Lãi suất vay áp dụng lãi suất tham chiếu + biên độ 0,5%/năm, việc thực hiện điều chỉnh lãi suất được thực hiện 03 tháng/lần trong suốt thời gian vay, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Lãi suất tham chiếu là lãi suất bình quân tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho khách hàng cá nhân của bốn (04) ngân hàng bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được công bố. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.11)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2022	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2022
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.540.246.914	13.800.000.000	(11.728.292.387)	5.611.954.527
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	283.500.000	562.050.000	(564.525.000)	281.025.000
Cộng	3.823.746.914	14.362.050.000	(12.292.817.387)	5.892.979.527

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC ĐÀ NẴNG
Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2021	579.640.610.000	8.993.538.265	59.152.916.904	135.442.700.966	783.229.766.135
Tăng trong năm	-	-	6.000.000.000	121.411.584.095	127.411.584.095
Giảm trong năm	-	-	-	(130.468.388.357)	(130.468.388.357)
Số dư tại 31/12/2021	<u>579.640.610.000</u>	<u>8.993.538.265</u>	<u>65.152.916.904</u>	<u>126.385.896.704</u>	<u>780.172.961.873</u>
Số dư tại 01/01/2022	579.640.610.000	8.993.538.265	65.152.916.904	126.385.896.704	780.172.961.873
Tăng trong năm	-	-	36.670.567.404	157.204.823.503	193.875.390.907
Giảm trong năm	-	-	-	(178.553.551.604)	(178.553.551.604)
Số dư tại 31/12/2022	<u>579.640.610.000</u>	<u>8.993.538.265</u>	<u>101.823.484.308</u>	<u>105.037.168.603</u>	<u>795.494.801.176</u>

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2022		01/01/2022	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng	60,08	348.242.170.000	60,08	348.242.170.000
Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng Miền Trung	35,00	202.867.440.000	35,00	202.867.440.000
Các cổ đông khác	4,92	28.531.000.000	4,92	28.531.000.000
Cộng	<u>100,00</u>	<u>579.640.610.000</u>	<u>100,00</u>	<u>579.640.610.000</u>

20c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	126.385.896.704	135.442.700.966
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ	157.204.823.503	121.411.584.095
Phân phối lợi nhuận	178.553.551.604	130.468.388.357
Phân phối lợi nhuận năm trước	126.385.896.704	78.300.733.457
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.800.000.000	9.712.188.187
- Trích quỹ Ban quản lý điều hành	562.050.000	567.000.000
- Chia cổ tức bằng tiền	75.353.279.300	62.021.545.270
- Quỹ đầu tư phát triển	36.670.567.404	6.000.000.000
Phân phối lợi nhuận năm nay (chia cổ tức)	52.167.654.900	52.167.654.900
Cộng	<u>105.037.168.603</u>	<u>126.385.896.704</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20d. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	579.640.610.000	579.640.610.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	579.640.610.000	579.640.610.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	127.520.934.200	114.189.200.170

20e. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.964.061	57.964.061
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.964.061	57.964.061
- Cổ phiếu thường	57.964.061	57.964.061
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.964.061	57.964.061
- Cổ phiếu thường	57.964.061	57.964.061
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

21. Tài khoản ngoài bảng

	31/12/2022	01/01/2022
Ngoại tệ các loại (USD)	12.521,92	12.535,12

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (đơn vị tính: VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu ngành nước	529.535.649.369	461.280.074.079
Doanh thu các hoạt động khác	4.858.454.545	6.026.706.616
Cộng	534.394.103.914	467.306.780.695

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Giá vốn ngành nước	277.732.754.050	263.222.272.245
Giá vốn các hoạt động khác	3.348.658.412	4.103.363.550
Cộng	<u>281.081.412.462</u>	<u>267.325.635.795</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.207.306.422	20.670.045.632
Lãi chênh lệch tỷ giá	13.691.198	354.385.857
Lãi ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án	6.149.638	-
Cộng	<u>23.227.147.258</u>	<u>21.024.431.489</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Chi phí lãi vay	15.146.923.696	11.664.724.978
Phân bổ chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư	3.944.774.879	3.944.774.884
Lỗ chênh lệch tỷ giá	223.709.875	78.741.408
Cộng	<u>19.315.408.450</u>	<u>15.688.241.270</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	7.643.796.724	6.714.401.336
Chi phí nhân viên bán hàng	23.845.968.681	23.128.835.411
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	98.499.999	229.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.649.520.126	6.643.093.167
Cộng	<u>36.237.785.530</u>	<u>36.715.829.914</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
 Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	355.881.127	383.559.579
Chi phí nhân viên quản lý	27.371.614.285	24.666.078.396
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.868.146.543	2.835.777.394
Dự phòng phải thu khó đòi	15.946.067	788.540.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.604.945.035	7.441.688.967
Chi phí bằng tiền khác	14.147.433.872	6.352.242.853
Cộng	<u>47.363.966.929</u>	<u>42.467.887.695</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Giá dịch vụ thoát nước để lại phục vụ công tác thu	2.491.918.744	2.235.098.089
Thu bồi thường	-	80.082.540
Hoàn nhập quỹ phát triển KHCN	-	9.184.664.160
Thu nhập khác	65.156.263 #	66.079.863
Cộng	<u>2.557.075.007</u>	<u>11.565.924.652</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
GTCL của tài sản cố định giảm hư hỏng	93.678.396	76.813.660
Xử lý công trình tồn đọng	110.101.011	206.420.228
Phạt về khai thác nước	263.752.276	50.000.000
Phạt chậm nộp thuế	12.314.268	562.631.491
Phạt vi phạm hành chính về PCCC	130.800.000	-
Chi phí khác	237.688	6.080.000
Cộng	<u>610.883.639</u>	<u>901.945.379</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	157.204.823.503	121.411.584.095
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(11.138.000.000)	(14.362.050.000)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(11.138.000.000)	(14.362.050.000)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	146.066.823.503	107.049.534.095
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	57.964.061	57.964.061
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu) (*)	<u>2.520</u>	<u>1.847</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	57.964.061	57.964.061
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	<u>57.964.061</u>	<u>57.964.061</u>

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	146.066.823.503	107.049.534.095
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	57.964.061	57.964.061
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	57.964.061	57.964.061
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu) (*)	<u>2.520</u>	<u>1.847</u>

(*) Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2022 được tạm tính theo lợi nhuận sau thuế trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tỷ lệ trích các quỹ này được căn cứ theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 trong Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.312.073.345	54.881.680.220
Chi phí nhân công	114.819.007.890	105.892.789.783
Chi phí khấu hao tài sản cố định	75.712.559.296	69.664.475.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.702.416.851	98.558.860.248
Chi phí khác	24.343.024.295	34.525.155.288
Cộng	373.889.081.677	363.522.960.955

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền thu từ đi vay

	Năm 2022	Năm 2021
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	205.661.753.518	126.463.920.510
Cộng	205.661.753.518	126.463.920.510

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2022	Năm 2021
Tiền chi các khoản đi vay theo kế ước thông thường	44.924.329.668	22.399.186.888
Cộng	44.924.329.668	22.399.186.888

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Đơn vị tính: VNĐ)

1. Các bên liên quan

1.a Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy Ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng	Bên đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung	Bên đầu tư

1.b Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Năm 2022	Năm 2021
Ủy Ban Nhân dân TP Đà Nẵng		
- Nhận Bàn giao TSCĐ	-	36.408.138.025
- Chênh lệch chi phí nước thô phát sinh	15.409.495.845	8.078.474.846
- Chia cổ tức	76.613.277.400	68.603.707.490

CÔNG TY CỔ PHẦN CAP NƯỚC ĐÀ NẴNG
Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1c. Số dư với các bên liên quan

	31/12/2022	01/01/2022
Ủy Ban Nhân dân TP Đà Nẵng		
- Tài sản nhận bàn giao từ ngân sách	90.535.834.864	90.535.834.864
- Chênh lệch chi phí nước thô	18.790.557.331	14.421.575.652
- Phải trả ngân sách về vốn	128.784.446.164	144.882.446.164

1.d Tiền lương, thù lao và các khoản lợi ích khác của Ban điều hành

STT	Ban QLĐH	Chức danh	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022		
			Tiền lương	Thù lao	Cộng
1	Hồ Hương	Chủ tịch HĐQT	777.600.000	-	777.600.000
2	Đặng Thanh Bình	Thành viên HĐQT	-	84.000.000	84.000.000
3	Nguyễn Trường Ảnh	Thành viên HĐQT	-	84.000.000	84.000.000
4	Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng Ban kiểm soát	648.000.000	-	648.000.000
5	Phạm Thị Quế Chi	Thành viên BKS	453.600.000	-	453.600.000
6	Thái Quốc Khánh	Thành viên BKS	-	66.000.000	66.000.000
7	Hồ Minh Nam	Tổng Giám đốc	734.400.000	-	734.400.000
8	Trần Phước Thương	Phó Tổng Giám đốc	648.000.000	-	648.000.000
9	Lê Đức Quý	Phó Tổng Giám đốc	691.200.000	-	691.200.000
10	Phan Thịnh	Kế toán trưởng	648.000.000	-	648.000.000
Tổng cộng			4.600.800.000	234.000.000	4.834.800.000

STT	Ban QLĐH	Chức danh	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021		
			Tiền lương	Thù lao	Cộng
1	Hồ Hương	Chủ tịch HĐQT	698.400.000	-	698.400.000
2	Đặng Thanh Bình	Thành viên HĐQT	-	84.000.000	84.000.000
3	Nguyễn Trường Ảnh	Thành viên HĐQT	-	84.000.000	84.000.000
4	Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng Ban kiểm soát	604.800.000	-	604.800.000
5	Phạm Thị Quế Chi	Thành viên BKS	410.400.000	-	410.400.000
6	Võ Thị Hòa	Thành viên BKS	-	66.000.000	66.000.000
7	Hồ Minh Nam	Tổng Giám đốc	619.200.000	-	619.200.000
8	Trần Phước Thương	Phó Tổng Giám đốc	604.800.000	-	604.800.000
9	Lê Đức Quý	Phó Tổng Giám đốc	720.000.000	-	720.000.000
10	Phan Thịnh	Kế toán trưởng	604.800.000	-	604.800.000
Tổng cộng			4.262.400.000	234.000.000	4.496.400.000

1.e Các khoản lợi ích khác của Ban điều hành

	Năm 2022	Năm 2021
Tiền thưởng Ban QLĐH	554.087.500	403.008.000
Cổ tức	81.620.000	73.087.000
Cộng	635.707.500	476.095.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Thông tin về bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực này thì Tập đoàn cần lập Báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn có thể tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh ngành nước và trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

3. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã cầm cố thế chấp TSCĐ hữu hình và tài sản đang đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của mình để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng (xem thuyết minh số V.18). Giá trị còn lại của tài sản thế chấp tại ngày 31/12/2022 là 27.983.623.756 đồng và giá trị đầu tư xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2022 là 527.759.285.658 đồng.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Riêng chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày lại do Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 16/04/2022 đã quyết định trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 là 14.362.050.000 đồng. Cụ thể:

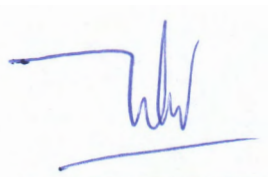
Mã số	Chỉ tiêu	Năm 2021 (trước điều chỉnh)	Năm 2021 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.095	1.847	(248)
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.095	1.847	(248)

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có yếu tố nào đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Tập đoàn và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Tập đoàn.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

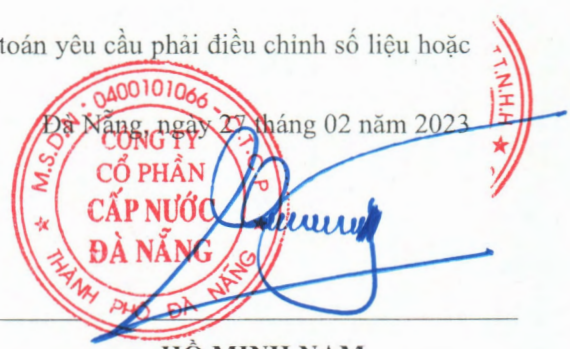
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**PHẠM HỒNG MINH**

Người lập biểu

**PHAN THỊNH**

Kế toán trưởng

**HỒ MINH NAM**

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Người đại diện theo pháp luật

TỔNG GIÁM ĐỐC



HỒ MINH NAM

